

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

SỨC SỐNG MỖI NGÀY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU VIỆT



MỤC LỤC

“
Vì lợi ích cộng đồng, khẩu hiệu “**Sức Sống Mỗi Ngày**” đã được VISSAN lựa chọn làm tiêu chí hoạt động. Đây là thông điệp, là cam kết của Công ty VISSAN mong muốn thể hiện hết tinh thần trách nhiệm trong từng sản phẩm để mang đến sức khỏe cho cộng đồng, góp phần phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam. Đó là sức sống, khát khao của một tập thể với hơn 55 năm trưởng thành để tạo nên một thương hiệu vươn lên mạnh liệt trong nền hội nhập.

”

01 THÔNG TIN CHUNG VỀ VISSAN

| | |
|----------------------------------|----|
| Thông tin chung | 10 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 16 |
| Mô hình quản trị, bộ máy quản lý | 24 |
| Định hướng phát triển | 26 |
| Các rủi ro | 28 |

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|---|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 36 |
| Tổ chức và nhân sự | 40 |
| Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án | 54 |
| Tình hình tài chính | 56 |
| Cơ cấu cổ đông | 60 |
| Báo cáo phát triển bền vững | 62 |

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|--|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 72 |
| Đánh giá tình hình tài chính | 74 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức | 76 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 79 |

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--|----|
| Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty | 84 |
| Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc | 86 |
| Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị | 87 |

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|--|-----|
| Hội đồng Quản trị | 90 |
| Ban Kiểm soát | 98 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành | 101 |

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|------------------|-----|
| Ý kiến kiểm toán | 112 |
|------------------|-----|

THÔNG DIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc kiêm
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBCNV!

Năm 2025 mở ra trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, khi tăng trưởng toàn cầu diễn ra chậm hơn, áp lực chi phí duy trì ở mức cao và hành vi tiêu dùng có sự thay đổi rõ nét. Đối với ngành thực phẩm, đây không chỉ là thách thức về thị trường mà còn là phép thử đối với năng lực thích ứng, quản trị và phát triển bền vững của mỗi doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, VISSAN xác định rõ rằng, nền tảng cốt lõi để vượt qua biến động không chỉ đến từ quy mô hay thị phần, mà nằm ở năng lực vận hành, khả năng đổi mới và sự kiên định với giá trị thương hiệu đã được xây dựng trong suốt hơn 5 thập kỷ.

Với định hướng đó, Công ty tiếp tục kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển hệ sinh thái 3F (Feed – Farm – Food), từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín nhằm kiểm soát chất lượng từ nguồn nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng. Đây không chỉ là lợi thế cạnh tranh, mà còn là cam kết dài hạn của VISSAN trong việc mang đến những sản phẩm an toàn, minh bạch và đáng tin cậy cho người tiêu dùng.

Song song, Công ty tập trung đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển các dòng sản phẩm phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại, đồng thời mở rộng và tối ưu hóa hệ thống phân phối theo hướng linh hoạt, đa kênh. Việc kết hợp giữa nền tảng phân phối truyền thống và các kênh thương mại điện tử không chỉ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, mà còn tăng cường khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

Trong giai đoạn chuyển mình này, VISSAN cũng đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực quản trị, tối ưu hiệu quả vận

hành và tăng cường quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn. Chúng tôi tin rằng, sự phát triển của doanh nghiệp cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng.

Hơn 55 năm hình thành và phát triển, VISSAN không chỉ là một thương hiệu thực phẩm, mà còn là niềm tin gắn bó với nhiều thế hệ người tiêu dùng Việt Nam. Giá trị của VISSAN không chỉ đến từ chất lượng sản phẩm, mà còn từ sự minh bạch, trách nhiệm và cam kết đồng hành cùng sức khỏe cộng đồng.

Bước vào chặng đường phía trước, với tinh thần đổi mới, kỷ luật và trách nhiệm, VISSAN sẽ tiếp tục nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh, củng cố vị thế trên thị trường và tạo ra giá trị bền vững cho tất cả các bên liên quan.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ Công nhân viên trong suốt thời gian qua.

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ MINH TUẤN

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



VISSAN luôn lấy lợi ích của khách hàng làm kim chỉ nam để tạo nên các giá trị cốt lõi, sứ mệnh và phương châm hoạt động trên suốt chặng đường phát triển.



TẦM NHÌN

VISSAN trở thành thương hiệu thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, vươn tầm quốc tế với chuỗi cung ứng khép kín, bền vững và truy xuất nguồn gốc.



SỨ MỆNH

VISSAN cam kết cung cấp nguồn thực phẩm an toàn, chất lượng với giá trị dinh dưỡng cao và tiện lợi nhằm mang đến cuộc sống tốt đẹp hơn, phong phú hơn cho cộng đồng.



01

THÔNG TIN CHUNG VỀ VISSAN

| | |
|----------------------------------|----|
| Thông tin chung | 10 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 16 |
| Mô hình quản trị, bộ máy quản lý | 24 |
| Định hướng phát triển | 26 |
| Các rủi ro | 28 |



THÔNG TIN CHUNG



Sức Sống Mỗi Ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

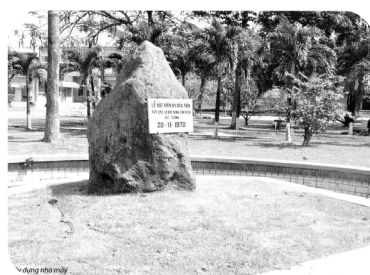
| | |
|---|--|
| Tên Tiếng anh | VISSAN JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | Công ty VISSAN |
| Mã chứng khoán | VSN |
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Vốn điều lệ | 809.051.000.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 809.051.000.000 đồng |
| Trụ sở chính | 420 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | (028) 3553 3999 - 3553 3888 |
| Fax | (028) 3553 3939 |
| Website | www.vissan.com.vn |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Số 0300105356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006 và Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 44 ngày 25/08/2025. |



CÁC DẤU MỐC PHÁT TRIỂN

20/11/1970

Khởi công xây dựng “Lò Sốt Sinh Tân Tiến Đô Thành”. Đây là cột mốc lịch sử đặt nền tảng đầu tiên cho ngành công nghiệp giết mổ gia súc và chế biến thịt hiện đại tại Việt Nam.



18/05/1974

“Lò Sốt Sinh Tân Tiến Đô Thành” chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản, quy mô 3 dây chuyền giết mổ heo, 2 dây chuyền giết mổ bò với hệ thống làm mát, trữ đông và cấp đông hiện đại.



16/03/1976

Công ty Thực Phẩm I được thành lập theo quyết định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh với nhiệm vụ giết mổ, pha lóc thịt tươi sống đáp ứng nhu cầu người dân thành phố.



16/11/1989

Đổi lại tên gọi thành Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản VISSAN cùng Logo Ba Bông Mai Vàng.



20/05/1994

Thành lập Xưởng Chế biến Thực phẩm I, được đầu tư dây chuyền chế biến thịt nguội cao cấp theo công nghệ Châu Âu, tập trung chủ yếu vào thị trường nội địa, phát triển ngành hàng Thực phẩm Chế biến.



20/02/1997

Thành lập Chi nhánh VISSAN Hà Nội theo kế hoạch mở rộng mạng lưới hoạt động, tăng cường năng lực cạnh tranh tại Miền Bắc. Cùng năm là sự ra đời đầu tiên của dòng sản phẩm Xúc xích Tiệt Trùng đưa VISSAN vươn lên chiếm lĩnh thị trường Thực phẩm Chế biến và Tươi sống.



03/06/2003

Thành lập Chi nhánh VISSAN Đà Nẵng với nhiệm vụ cung cấp thực phẩm VISSAN đến với người tiêu dùng các tỉnh Miền Trung.



21/09/2006

Công ty chuyển đổi mô hình với tên gọi Công ty TNHH Một Thành Viên Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản – VISSAN.



01/01/2015

Thành lập trung tâm kinh doanh cửa hàng VISSAN với chuỗi Cửa hàng Giới thiệu Sản phẩm VISSAN, góp phần đưa sản phẩm gần hơn với người tiêu dùng cả nước.



19/06/2015

Khánh thành và đưa vào hoạt động Nhà máy Chế biến Thực phẩm Bắc Ninh (tiền thân là Xưởng Chế biến và Kho thực phẩm Bắc Ninh), với công suất 225 tấn thực phẩm chế biến/tháng.



18/09/2015

Khánh thành Xí nghiệp Chăn nuôi VISSAN Bình Thuận và chính thức đưa vào hoạt động.



01/07/2016

Công ty VISSAN chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản



2020 - Nay

Mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh sản phẩm VISSAN qua các kênh Thương mại Điện tử, Hotline 19001960 và website bán hàng trực tuyến <http://vissanmart.com>. Đặc biệt, tập trung cải thiện sản phẩm hiện hữu và cho ra mắt nhiều dòng sản phẩm mới tiện lợi như Hotdog Wow, Mỡ heo, Chả lụa que, Xúc xích Lắc kêu – Trộn đều...



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Bằng khen của UBND TP.HCM dành cho Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển Thành phố nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Hiệp Hội Doanh nghiệp thành phố (1975 - 2025)



Danh hiệu “Doanh nghiệp Xanh TP.HCM năm 2025”
do Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM trao tặng



Danh hiệu “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2025”
do người tiêu dùng bình chọn liên tục trong 29 năm liên tiếp



Danh hiệu “Thương hiệu uy tín nổi tiếng Quốc gia”
do Tạp chí Sức khỏe Việt bình chọn



Chứng nhận “Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM năm 2025”
do Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM trao tặng



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt bò, thịt chế biến, thịt hộp, hải sản...
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, buôn bán rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm, tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

TRONG NƯỚC

Thương hiệu VISSAN đã hiện diện tại **34 tỉnh thành trên toàn quốc**, được phân phối và kinh doanh tại hầu hết các hệ thống siêu thị trên cả nước với **hơn 10.000 siêu thị**, trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện lợi và **hệ thống gần 50 cửa hàng** giới thiệu sản phẩm trên toàn quốc. Trong đó có các hệ thống siêu thị lớn nhất Việt Nam như Co.opMart, WinMart, Bách Hóa Xanh, Emart, SatraMart, Satrafoods,...

Đồng thời, sản phẩm VISSAN hiện đã có mặt tại hơn 140 nhà phân phối, 130.000 điểm bán (cửa hàng tạp hóa, sạp chợ) trên kênh bán hàng truyền thống.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ONLINE

Trước sự thay đổi mạnh mẽ trong hành vi tiêu dùng thời đại số, VISSAN đã chủ động chuyển mình bằng việc đầu tư phát triển hệ thống phân phối "online", mở rộng khả năng phục vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Đến năm 2025, mô hình này tiếp tục được duy trì và hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng linh hoạt.

VISSAN hiện cung cấp dịch vụ đặt hàng qua **Hotline 19001960**, Fanpage, đồng thời hợp tác với các nền tảng giao - đặt món như Grab, Shopee Food, Loship và mở gian hàng trên các sàn thương mại điện tử Tiki, Shopee, Sendo. Khách hàng cũng có thể mua trực tiếp tại **vissanmart.com**, giúp việc tiếp cận sản phẩm trở nên nhanh chóng, thuận tiện và đồng bộ hơn trong kỷ nguyên số.



NGOÀI NƯỚC

Không chỉ dừng lại ở thị trường nội địa, **VISSAN đang không ngừng mở rộng** dấu ấn của mình trên thị trường quốc tế. Các dòng sản phẩm chủ lực như thực phẩm chế biến đông lạnh, sản phẩm truyền thống và các sản phẩm chế biến từ thịt đã được xuất khẩu sang nhiều quốc gia thuộc 4 châu lục.

Hiện nay, thương hiệu VISSAN đã có mặt tại **hơn 10 quốc gia**, bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Lào, Campuchia, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và New Zealand. Sự hiện diện ngày càng rộng rãi này khẳng định chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của VISSAN trên thị trường toàn cầu.

SẢN PHẨM NỔI BẬT

THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG

THỊT HEO

VISSAN kinh doanh đầy đủ các chủng loại mặt hàng thịt heo, giúp người tiêu dùng dễ dàng lựa chọn sản phẩm tươi ngon, bảo đảm chất lượng, giá cả lại phù hợp. VISSAN luôn đưa ra các tiêu chí khắt khe trong quá trình từ chăn nuôi đến giết mổ và phân phối đến người tiêu dùng, cụ thể yêu cầu:

- **Về nguồn nguyên liệu:** Đàn heo được lựa chọn kỹ càng từ trại chăn nuôi riêng của VISSAN và các trang trại liên kết, các trang trại đều được chứng nhận VietGAP, bảo đảm an toàn dịch bệnh... Tất cả nguồn heo thịt được đưa vào giết mổ để cung ứng thịt tươi, làm nguyên liệu chế biến đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, VISSAN đang thực hiện chuỗi cung ứng thịt heo an toàn, hệ thống phân phối đạt chuẩn VietGAP, ứng dụng giải pháp TE - FOOD nhằm truy xuất nguồn gốc từ trang trại đến bàn ăn.
- **Về dây chuyền giết mổ:** Với hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại, được cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy phép giết mổ theo yêu cầu của cơ quan chức năng. Tới thời điểm hiện tại, dây chuyền giết mổ heo của VISSAN được xem là một trong những dây chuyền hiện đại nhất Việt Nam.
- **Về hệ thống kiểm soát:** Quá trình vận chuyển heo sống từ các trại chăn nuôi về Công ty VISSAN luôn có giám sát hành trình; đảm bảo theo các quy định của ngành thú y. Tại Công ty VISSAN, nguyên liệu heo hơi đầu vào được Trạm chăn nuôi và thú y khu vực 1 thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y Tp. Hồ Chí Minh kiểm soát chặt chẽ. Thành phẩm đầu ra sau giết mổ được Sở An toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh kiểm soát, đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi xuất ra thị trường. Bên cạnh công tác kiểm soát của Trạm chăn nuôi và thú y khu vực 1 và Sở An toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh, Công ty VISSAN đã trang bị thiết bị đo đặc, phân loại chất lượng heo của Pháp giúp Công ty chủ động kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu heo hơi đầu vào.



THỊT BÒ

VISSAN chủ yếu kinh doanh bò Úc nhập khẩu, đây là sản phẩm thịt bò chất lượng và an toàn cho sức khỏe với các tiêu chí cao.

- **Về nguồn nguyên liệu:** Đàn bò được các trang trại uy tín nhập khẩu từ Úc dưới hình thức bò hơi, vỗ béo đạt đến trọng lượng giết mổ, sau đó thời gian kiểm dịch đạt tất cả các tiêu chuẩn vệ sinh thú y sẽ được VISSAN nhập về để giết mổ, cung ứng thịt tươi và nguyên liệu chế biến.
- **Về dây chuyền giết mổ:** Để bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế, dây chuyền của VISSAN phải được hai cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy chứng nhận ESCAS – đây là tiêu chuẩn được Chính phủ Úc đặt ra đối với các cơ sở giết mổ nhằm bảo đảm đối xử nhân đạo với gia súc từ khâu chăn nuôi, vận chuyển, lưu trữ, giết mổ. Toàn bộ quá trình giết mổ bò được giám sát qua hệ thống camera trực tuyến từ Úc. Không chỉ tuân thủ tiêu chuẩn ESCAS, quy trình giết mổ, pha lóc và bảo quản thịt bò tuân thủ theo TCVN; sự hỗ trợ kỹ thuật của Hiệp hội thịt và gia súc Úc (MLA). Thịt bò được phân phối đến các hệ thống bán lẻ ở nhiệt độ mát nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh tốt nhất, giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm chất lượng nhất.
- **Về hệ thống kiểm soát:** Bò Úc nhập về Việt Nam luôn được kiểm soát chặt chẽ từ khâu nuôi nhốt đến khi giết mổ bởi Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tp. Hồ Chí Minh. Để có thể truy xuất nguồn gốc, bò Úc nhập khẩu còn được kiểm soát bởi thiết bị chip điện tử gắn kèm theo mỗi cá thể bò.



SẢN PHẨM NỔI BẬT

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

Hiện VISSAN đã phát triển **hơn 300 chủng loại** sản phẩm chế biến đa dạng, an toàn cho sức khỏe và phù hợp với cân bằng dinh dưỡng. Công ty đang cung cấp cho thị trường toàn quốc **trên 21.000 tấn** sản phẩm chế biến mỗi năm.

Về dây chuyền sản xuất hiện đại và khép kín:

- Hệ thống dây chuyền sản xuất xúc xích tiết trùng với thiết bị, công nghệ nhập khẩu từ Nhật Bản, công suất 10.000 tấn/năm.
- Hệ thống dây chuyền sản xuất - chế biến đồ hộp, công suất 5.000 tấn/năm với thiết bị và công nghệ của châu Âu.
- Dây chuyền sản xuất - chế biến thịt nguội nhập từ Pháp và Tây Ban Nha với công suất 5.000 tấn/năm.
- Nhà máy chế biến thực phẩm đông lạnh theo truyền thống Việt Nam có công suất 5.000 tấn/năm tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Nhà máy chế biến thực phẩm ở khu vực miền Bắc với công suất 3.000 tấn/năm tại Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

XÚC XÍCH TIẾT TRÙNG VÀ XÚC XÍCH XÔNG KHÓI ĂN LIỀN

VISSAN mang đến đa dạng các nhóm sản phẩm theo nhiều thương hiệu riêng nhằm đa dạng hóa nhu cầu sử dụng cũng như mang đến nhiều trải nghiệm cho người tiêu dùng, gồm xúc xích Golden 3, xúc xích dinh dưỡng heo bò, xúc xích lắc đều trộn đều, xúc xích Boom Boom. Với hương vị thơm ngon, an toàn và tiện lợi, dòng sản phẩm xúc xích tiết trùng của VISSAN hiện chiếm thị phần cao và có độ bao phủ rộng khắp các tỉnh thành cả nước.



Xúc xích Golden



Xúc xích dinh dưỡng heo



Hotdog WOW!

LẠP XƯỞNG

Hiện sản phẩm lap xuong VISSAN Mai Quế Lộ là thương hiệu uy tín và là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng. Với sự nỗ lực không ngừng, VISSAN đã tiếp tục phát triển và đa dạng hóa các hương vị mới, bao gồm Lap xuong tươi Trứng Muối Đặc Biệt, bên cạnh các sản phẩm lap xuong quen thuộc như Lap xuong Tôm và Lap xuong Bò, mang đến nhiều sự lựa chọn hấp dẫn cho thị trường.



Lap xuong tuoi truong muoi dac biet



Lap xuong Mai Quế Lộ



Lap xuong Tôm Đặc biệt

ĐỒ HỘP

Với đa dạng nhiều dòng sản phẩm từ nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau từ heo, bò, gà và cá, đồ hộp VISSAN mang đến bữa ăn giàu dinh dưỡng, sự tiện dụng và tiết kiệm được thời gian chế biến. VISSAN liên tục nghiên cứu và ra mắt sản phẩm mới “Patê gan 3 bông mai”, “Cá ngừ sốt cay”..., mang đến cho người tiêu dùng thêm nhiều sự lựa chọn, đáp ứng nhu cầu về sự tiện lợi và dinh dưỡng trong mỗi bữa ăn.



Bò 2 lát



Patê gan 3 bông mai



Cá ngừ sốt cay

SẢN PHẨM NỔI BẬT

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

GIÒ CÁC LOẠI

Với thương hiệu lâu năm và được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn, các sản phẩm giò chả VISSAN mang hương vị truyền thống, là món ăn quen thuộc trong bữa cơm gia đình Việt, đặc biệt vào dịp Tết. Nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng, năm 2025 Công ty chính thức bổ sung sản phẩm Giò bì ốt xiêm, Chả Chiên vào danh mục, mang đến lựa chọn tiện lợi, thơm ngon, phù hợp cho bữa ăn hằng ngày nhưng vẫn giữ trọn tinh thần ẩm thực Việt.



Giò lụa đặc biệt



Chả chiên



Giò bì ốt xiêm

THỊT NGUỘI VÀ XÚC XÍCH FAMILY

VISSAN mang đến đa dạng chủng loại sản phẩm jambon, thịt xông khói và xúc xích tươi mang hương vị độc đáo từ Châu Âu và được người tiêu dùng yêu thích trong các bữa tiệc bởi hương vị thơm ngon và giá trị dinh dưỡng cao.



Thịt nguội



Xúc xích Bavaria



Xúc xích Family

GIA VỊ, CHẾ BIẾN KHÔ VÀ SẢN PHẨM KHÁC

Gia vị là dòng sản phẩm mới nhất mà VISSAN phát triển với sản phẩm đầu tiên là Hạt nêm Chuẩn vị thịt. Bên cạnh đó là các sản phẩm ăn liền khác như thịt heo sấy rong biển, chả bông heo, chả giò ăn liền... Các sản phẩm mới được VISSAN nghiên cứu, phát triển với hàm lượng giá trị gia tăng cao, khác biệt với hương vị độc đáo và chất lượng hoàn hảo.



Mỡ heo



Chả bông heo



Thịt heo sấy rong biển



Chả giò ăn liền ngon ngon



Hạt nêm

HÀNG ĐÔNG LẠNH

Với danh mục sản phẩm đa dạng và liên tục cải tiến cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, nhóm hàng Chế Biến Đông Lạnh VISSAN mang đến bữa ăn tiện lợi nhiều dinh dưỡng và góp phần làm phong phú bữa ăn cho gia đình Việt.



Há cảo



Nem bò tiêu xanh



Chả giò tôm cua đặc biệt

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị công ty gồm: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

Cơ cấu bộ máy quản lý



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Với bề dày lịch sử uy tín hơn 5 thập kỷ, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN hướng đến.
- Với định hướng, tiếp cận thị trường bằng chất lượng và an toàn, Công ty luôn không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty. VISSAN đã và đang nỗ lực kiến tạo nên một hệ sinh thái 3F (Feed – Farm – Food) hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất.
- Bên cạnh đó, VISSAN luôn hướng đến những giá trị bền vững. Cố gắng bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với cổ đông, cán bộ nhân viên, cộng đồng xã hội và môi trường thiên nhiên.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC TRUNG HẠN

HOÀN THIỆN
HỆ SINH THÁI 3F

Tầm nhìn chiến lược xuyên suốt của VISSAN là kiến tạo một hệ sinh thái nông nghiệp hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng nhất sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất.

VUN ĐẮP
THƯƠNG HIỆU VIỆT

Với bề dày lịch sử uy tín 55 năm, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN.

SẢN PHẨM CHẤT
LƯỢNG HÀNG ĐẦU

VISSAN luôn nỗ lực đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất, tươi ngon nhất, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn hàng đầu như VietGAP, GlobalGAP, ESCAS, HACCP...

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
KHÔNG NGỪNG

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi căn bản, sâu sắc mọi phương diện kinh tế, xã hội. Áp lực cạnh tranh theo đó cũng trở nên mạnh mẽ, gay gắt hơn, đòi hỏi VISSAN phải không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến duy trì, phát triển nền tảng vận hành, phương thức quản trị hiệu quả, tiên tiến.

CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN

PHÁT TRIỂN VỚI
TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình truyền thông, tăng cường quảng bá thương hiệu VISSAN thông qua các đài truyền hình, nền tảng mạng xã hội, báo chí,... Nhằm xây dựng niềm tin và duy trì lòng trung thành thương hiệu đối với người tiêu dùng. Chú trọng đến hoạt động khảo sát, nghiên cứu thị trường nhằm nắm bắt tình hình đối thủ cạnh tranh, mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với các sản phẩm mới, ... giúp phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CỦNG CỐ HỆ THỐNG
PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối là yếu tố sống còn, quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, đặc biệt trong ngành thực phẩm. Ý thức sâu sắc điều đó, VISSAN luôn chú trọng xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty.

NÂNG CAO NĂNG LỰC
QUẢN TRỊ

Quản trị là nền tảng của sự vận hành liên tục, hiệu quả của doanh nghiệp. Tại VISSAN, ban lãnh đạo luôn tập trung hoàn thiện, nâng cao mô hình, năng lực quản trị theo các chuẩn mực quốc tế.

CÁC RỦI RO

● RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế toàn cầu ghi nhận xu hướng tăng trưởng chậm lại do tác động kéo dài của biến động thương mại, đứt gãy chuỗi cung ứng và bất ổn địa chính trị. Dù lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt, mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức cao tại nhiều nền kinh tế lớn, làm gia tăng chi phí vốn và gây áp lực lên nhu cầu tiêu dùng. Bối cảnh này tác động trực tiếp đến các ngành chế biến thực phẩm thông qua chi phí đầu vào cao và sức mua suy yếu.

Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục phục hồi nhưng chưa thực sự bền vững khi chịu ảnh hưởng từ nhu cầu toàn cầu suy giảm, giá nguyên vật liệu biến động và chi phí logistics duy trì ở mức cao. Một số ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu tăng trưởng chậm lại, kéo theo tác động dây chuyền đến các doanh nghiệp chế biến trong nước, trong đó có lĩnh vực thực phẩm. Bối cảnh này yêu cầu doanh nghiệp phải củng cố khả năng chống chịu, tối ưu chi phí sản xuất và đảm bảo tính liên tục của nguồn cung nguyên liệu.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, yếu tố đầu vào quan trọng đối với hoạt động sản xuất của VISSAN, thị trường năm 2025 diễn biến phân hóa rõ rệt. Dịch tả lợn châu

Phi bùng phát trở lại tại nhiều địa phương làm suy giảm tổng đàn, qua đó gia tăng rủi ro thiếu hụt nguồn cung và biến động giá heo hơi, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và biên lợi nhuận. Ngược lại, ngành gia cầm duy trì tăng trưởng ổn định nhờ nhu cầu tiêu thụ cải thiện và dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn, góp phần tạo nguồn nguyên liệu thay thế tương đối ổn định cho mảng chế biến.

Trước những rủi ro nêu trên, VISSAN tập trung triển khai các giải pháp bảo đảm ổn định sản xuất và an toàn chuỗi cung ứng. Công ty tăng cường liên kết với các trang trại và đối tác chăn nuôi theo mô hình chuỗi khép kín để giảm phụ thuộc vào biến động thị trường đầu vào, đẩy mạnh dự báo nhu cầu, tối ưu quản trị tồn kho và chi phí sản xuất. Đồng thời, VISSAN tiếp tục mở rộng các kênh phân phối, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng và giảm rủi ro từ nhóm sản phẩm tươi sống. Các giải pháp này giúp Công ty duy trì tính linh hoạt trong vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động.

● RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường thực phẩm Việt Nam năm 2025 tiếp tục duy trì mức độ cạnh tranh cao trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng nội địa bắt đầu phục hồi. Áp lực cạnh tranh không chỉ đến từ các doanh nghiệp trong nước mà còn gia tăng từ các thương hiệu nước ngoài, đặc biệt khi quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng, với kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2025 tăng 19,4% so với năm trước. Sự gia tăng của hàng hóa nhập khẩu đã tạo điều kiện để các sản phẩm ngoại thâm nhập sâu hơn vào thị trường, góp phần làm đa dạng hóa nguồn cung nhưng đồng thời gia tăng sức ép về giá bán, chất lượng và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp nước ngoài với lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do, năng lực công nghệ và chiến lược giá cạnh tranh tiếp tục gia tăng hiện diện, khiến mức độ cạnh tranh trong phân khúc thực phẩm chế biến trở nên ngày càng khốc liệt.

Ngoài ra, xu hướng tiêu dùng chuyển dịch nhanh sang mua sắm trực tuyến, đặc biệt trong nhóm thực phẩm và đồ uống, đang tạo sức ép cạnh tranh ngày càng lớn đối với hoạt động kinh doanh của VISSAN. Các nền tảng thương mại điện tử liên tục mở rộng hệ sinh thái, đa dạng hóa nguồn cung và đẩy mạnh khuyến mãi,

khiến mức độ cạnh tranh về giá, tốc độ giao hàng và mức độ nhận diện thương hiệu trở nên gay gắt hơn. Đồng thời, thị trường thực phẩm chế biến chứng kiến sự gia nhập mạnh mẽ của các doanh nghiệp linh hoạt, ứng dụng công nghệ tốt và liên tục tung ra sản phẩm mới, làm tăng áp lực đổi mới đối với VISSAN trong việc duy trì lợi thế cạnh tranh và đáp ứng thị hiếu thay đổi nhanh của người tiêu dùng.

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, VISSAN tiếp tục triển khai các giải pháp trọng tâm nhằm củng cố lợi thế trên thị trường. Công ty tăng cường đầu tư phát triển sản phẩm mới, cải tiến bao bì và nâng cao chất lượng nhằm đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng. Đồng thời, VISSAN đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào quản trị bán hàng, tối ưu chuỗi cung ứng, mở rộng hiện diện trên các sàn thương mại điện tử và tăng tần suất các hoạt động truyền thông, khuyến mãi theo từng mùa vụ. Việc kết hợp giữa hệ thống phân phối truyền thống và kênh bán hàng trực tuyến giúp Công ty duy trì độ phủ, nâng cao khả năng cạnh tranh và thích ứng linh hoạt với xu hướng thị trường mới.



○ RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty cổ phần có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, VISSAN chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại cùng các văn bản hướng dẫn liên quan. Các quy định này ngày càng nâng cao yêu cầu về minh bạch, quản trị công ty, kiểm soát rủi ro và nghĩa vụ công bố thông tin, đòi hỏi Công ty duy trì mức độ tuân thủ chặt chẽ nhằm đảm bảo uy tín với cổ đông và các bên liên quan.

Bên cạnh đó, VISSAN hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm nên chịu sự quản lý của các quy định chuyên ngành như an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật, điều kiện giết mổ – chế biến, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải. Trong năm 2025, các yêu cầu liên quan đến truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và tiêu chuẩn môi trường tiếp tục được siết chặt, đồng thời hoạt động thanh tra, kiểm tra và hậu kiểm được tăng

cường với các biện pháp xử lý nghiêm khắc. Điều này làm gia tăng rủi ro tuân thủ, đồng thời tạo áp lực đáng kể lên chi phí vận hành và nhu cầu đầu tư nâng cấp hệ thống, công nghệ.

Trong bối cảnh Việt Nam chủ động điều chỉnh khung pháp lý để phù hợp với cam kết hội nhập và tiêu chuẩn quốc tế, các thay đổi, hướng dẫn mới hoặc diễn giải pháp luật có thể tạo ra rủi ro không nhỏ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của VISSAN. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến thủ tục hành chính, nghĩa vụ báo cáo, quy định thuế, quản lý chất lượng và các yêu cầu về môi trường.

Nhằm phòng ngừa rủi ro pháp lý và đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định, VISSAN luôn theo dõi chặt chẽ các thay đổi chính sách, kịp thời cập nhật và áp dụng vào hoạt động quản trị, sản xuất và kinh doanh, qua đó duy trì sự ổn định và bền vững trong toàn bộ hoạt động của Công ty.



○ RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2025, thị trường ngoại hối tiếp tục biến động dưới tác động của các yếu tố bên ngoài như bất ổn địa chính trị và định hướng chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn, cùng với các yếu tố trong nước như nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu và thanh toán quốc tế. Theo đó, tỷ giá USD/VND ghi nhận mức tăng khoảng 3,9% trong năm.

Dù VISSAN chủ yếu giao dịch bằng Đồng Việt Nam, biến động mạnh về tỷ giá USD/VND vẫn tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty nhập khẩu nhiều nguyên liệu, phụ gia và vật tư sản xuất từ nước ngoài, tỷ giá tăng đã làm chi phí đầu vào tăng tương ứng.

Trước những diễn biến khó lường của tỷ giá, VISSAN tiếp tục triển khai các biện pháp quản trị rủi ro một cách chủ động. Công ty theo dõi sát biến động vĩ mô, chính sách tiền tệ quốc tế và xu hướng điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước để đưa ra kịch bản ứng phó phù hợp. Đồng thời, VISSAN tối ưu hóa danh mục chi phí, đàm phán điều khoản thương mại linh hoạt với nhà cung cấp và áp dụng các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá.



CÁC RỦI RO

● RỦI RO NGUYÊN LIỆU

Trong bối cảnh thị trường thực phẩm năm 2025 tiếp tục biến động mạnh, rủi ro về nguồn cung nguyên liệu, đặc biệt là thịt lợn, nhóm nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản xuất của VISSAN, vẫn là thách thức trọng yếu đối với hoạt động của Công ty. Diễn biến dịch bệnh phức tạp trong ngành chăn nuôi cùng sự suy giảm sản lượng tại nhiều địa phương đã gia tăng áp lực lên cả giá cả và khả năng đảm bảo nguồn cung ổn định.

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, dịch tả lợn châu Phi bùng phát trở lại từ đầu quý III/2025 gây thiệt hại nghiêm trọng, làm tổng đàn lợn tại nhiều tỉnh giảm sâu. Sự sụt giảm mạnh này làm gia tăng rủi ro đứt gãy nguồn cung và biến động giá đầu vào đối với doanh nghiệp chế biến thực phẩm như VISSAN. Ở góc độ sản lượng, Cục Thống kê ghi nhận lượng heo xuất chuồng cả năm 2025 tăng 3,9% lên gần 5,4 triệu tấn, cho thấy nguồn cung toàn thị trường có tăng trưởng nhưng vẫn chịu tác động đáng kể theo vùng và theo thời điểm do dịch bệnh.

Trong khi đó, các loại nguyên liệu nhập khẩu như gia vị, phụ gia và một số thành phần chế biến khác vẫn

chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá, chi phí logistics và chính sách thương mại toàn cầu, góp phần tạo thêm áp lực lên chi phí sản xuất. Ở chiều ngược lại, chăn nuôi gia cầm duy trì tăng trưởng, với sản lượng gia cầm tăng 5,9% trong năm 2025. Tuy nhiên, mức tăng này chỉ bù đắp một phần nhu cầu nguyên liệu của ngành chế biến, không thể thay thế vai trò chủ đạo của thịt lợn trong cơ cấu sản phẩm của VISSAN.

Trước những thách thức trên, VISSAN tiếp tục triển khai chiến lược đa dạng hóa và chủ động nguồn cung nhằm giảm thiểu tác động từ thị trường. Công ty duy trì hợp tác dài hạn với các nhà chăn nuôi, trang trại và đối tác cung ứng uy tín, đồng thời tăng cường tham gia các chuỗi liên kết sản xuất để đảm bảo nguồn nguyên liệu đạt chuẩn an toàn sinh học. Song đó, VISSAN phát triển hệ thống dự trữ nguyên liệu chiến lược, theo dõi sát diễn biến thị trường và áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả giúp tối ưu chi phí, duy trì sản xuất ổn định và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm.



● RỦI RO KHÁC

Ngoài các nhóm rủi ro chính đã được nhận diện, VISSAN tiếp tục đối mặt với những rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, xung đột địa chính trị và các sự kiện ngoài phạm vi kiểm soát. Những yếu tố này tuy khó dự báo và có tần suất thấp, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại đáng kể, làm gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối, từ đó tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

Để giảm thiểu tác động từ các rủi ro này, VISSAN tiếp tục triển khai đầy đủ các phương án phòng ngừa và ứng phó khẩn cấp. Công ty duy trì đầu tư, kiểm tra và nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy theo

tiêu chuẩn mới, đồng thời tổ chức diễn tập định kỳ nhằm đảm bảo khả năng phản ứng nhanh và hiệu quả trong các tình huống bất ngờ. Bên cạnh đó, Công ty chủ động theo dõi diễn biến dịch bệnh trong nước và quốc tế, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chức năng và xây dựng các kịch bản điều hành linh hoạt để duy trì tính liên tục của hoạt động sản xuất - kinh doanh. Những giải pháp này góp phần tăng cường năng lực ứng phó, đảm bảo hoạt động của VISSAN được duy trì ổn định trước các yếu tố rủi ro khó lường trong giai đoạn 2025.

● RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất và chế biến thực phẩm, với đặc thù sử dụng lượng lớn nguyên liệu và vận hành nhiều công đoạn kỹ thuật, tiếp tục tiềm ẩn rủi ro gây tác động xấu đến môi trường nếu không được kiểm soát chặt chẽ. Các sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất có thể dẫn tới ô nhiễm không khí, nước và đất, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái và đời sống cộng đồng. Trong bối cảnh năm 2025 các quy định về môi trường ngày càng được siết chặt, yêu cầu quản lý chất thải rắn, nước thải và khí thải theo chuẩn mực cao hơn tạo áp lực lớn đối với doanh nghiệp trong ngành.

Việc không đảm bảo tuân thủ có thể làm suy giảm chất lượng môi trường, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, VISSAN luôn chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro và vận hành theo hướng sản

xuất bền vững. Công ty duy trì việc tuân thủ toàn bộ quy định pháp lý về tiêu chuẩn môi trường, đồng thời tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý chất thải, nước thải và khí thải theo công nghệ tiên tiến nhằm đảm bảo các thông số đầu ra đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật. Song song đó, VISSAN tăng cường các chương trình đào tạo nội bộ về sử dụng năng lượng tiết kiệm, vận hành xanh và quản lý chất thải tại nguồn, góp phần nâng cao ý thức của toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm và rủi ro phát sinh trong vận hành, mà còn thể hiện rõ cam kết của VISSAN đối với mục tiêu phát triển bền vững và trách nhiệm với môi trường - cộng đồng trong giai đoạn 2025 và các năm tiếp theo.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|---|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 36 |
| Tổ chức và nhân sự | 40 |
| Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án | 54 |
| Tình hình tài chính | 56 |
| Cơ cấu cổ đông | 60 |
| Báo cáo phát triển bền vững | 62 |



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

◎ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU | Năm 2025 | Năm 2024 | % Tăng/giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|-----|---|-----------|-----------|--------------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 2.921.564 | 3.137.264 | -6,9% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 2.256.506 | 2.390.740 | -5,6% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 665.058 | 746.524 | -10,9% |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 102.221 | 139.870 | -26,9% |
| 5 | Lợi nhuận khác | 2.856 | 1.669 | 71,1% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 105.077 | 141.539 | -25,8% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 82.056 | 111.055 | -26,1% |



Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) trong bối cảnh thị trường thực phẩm cạnh tranh gay gắt và chi phí đầu vào biến động. Áp lực cạnh tranh gia tăng khi một số doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh triển khai gia tăng các chương trình khuyến mãi. Đồng thời, rủi ro dịch bệnh trong chăn nuôi, đặc biệt là dịch tả lợn châu Phi bùng phát từ quý III/2025, đã tác động tiêu cực đến nguồn cung nguyên liệu thịt heo, làm gia tăng biến động giá và ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất. Kết quả kinh doanh năm 2025 phản ánh rõ các thách thức nêu trên. Doanh thu thuần của VISSAN đạt 2.921,6 tỷ đồng, giảm 6,9% so với năm 2024, chủ yếu do cạnh tranh về giá và xu hướng tiêu dùng thận trọng trong bối cảnh chi phí sinh hoạt tăng cao. Mặc dù công ty đã kiểm soát, tối ưu hóa quy trình sản xuất, nhưng giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đã khiến cho lợi nhuận gộp giảm 10,9% so với năm trước.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 102,2 tỷ đồng, giảm 26,9% so với năm 2024. Mặc dù Công ty đã chủ động kiểm soát chi phí bán hàng và tối ưu vận hành, sự suy giảm của lợi nhuận gộp vẫn là yếu tố chi phối khiến lợi nhuận hoạt động sụt giảm. Lợi nhuận khác đạt 2,9 tỷ đồng, tăng 71,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, lợi nhuận trước thuế đạt 105,1 tỷ đồng, giảm 25,8%, và lợi nhuận sau thuế đạt 82,1 tỷ đồng, giảm 26,1% so với năm 2024.

Trước bối cảnh thị trường nhiều biến động, VISSAN đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động và cải thiện hiệu quả kinh doanh. Công ty tập trung tối ưu hóa chi phí sản xuất, tăng cường đàm phán với nhà cung cấp để ổn định giá nguyên liệu, đồng thời đẩy mạnh các chương trình kích cầu và mở rộng kênh bán hàng, đặc biệt là kênh trực tuyến. Bên cạnh đó, VISSAN tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang thay đổi, qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các giai đoạn tiếp theo.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH


TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện 2025 | Kế hoạch 2025 | TH 2025/ KH 2025 |
|-----|----------------------|------------|----------------|---------------|------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 2.972.308 | 3.335.000 | 89,1% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 105.077 | 116.000 | 90,6% |
| 3 | Sản lượng | | | | |
| 3.1 | Thịt heo các loại | Tấn | 7.600 | 8.630 | 88,1% |
| 3.2 | Thịt bò | Tấn | 511 | 535 | 95,5% |
| 3.3 | Thực phẩm chế biến | Tấn | 18.547 | 21.460 | 86,4% |



Tổng doanh thu

2.972.308 triệu đồng



Lợi nhuận trước thuế

105.077 triệu đồng

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Triệu đồng

| KHOẢN MỤC | NĂM 2025 | | NĂM 2024 | |
|------------------------------|------------------|---------------|------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT |
| Giá vốn hàng bán | 2.256.506 | 77,2% | 2.390.740 | 76,2% |
| Chi phí tài chính | 19.238 | 0,7% | 18.673 | 0,6% |
| Chi phí bán hàng | 438.156 | 15,0% | 489.201 | 15,6% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 152.938 | 5,2% | 139.439 | 4,4% |
| Chi phí khác | 393 | 0,0% | 1.966 | 0,1% |
| Tổng chi phí | 2.867.231 | 98,1% | 3.040.019 | 96,9% |
| Doanh thu thuần | 2.921.564 | | 3.137.264 | |

Tổng chi phí năm 2025 ghi nhận 2.867,2 tỷ đồng, giảm 5,7% so với năm 2024, phù hợp với xu hướng sụt giảm của doanh thu. Tuy nhiên, tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần tăng lên 98,1%, so với 96,9% năm 2024, cho thấy áp lực chi phí vẫn ở mức cao trong bối cảnh kinh tế còn nhiều thách thức.

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí. Năm 2025, giá vốn đạt 2.256,5 tỷ đồng, giảm 5,6% so với năm trước; tuy nhiên, tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng từ 76,2% lên 77,2%. Diễn biến này phản ánh tác động của biến động chi phí đầu vào, đặc biệt trong bối cảnh nguồn cung nguyên liệu thịt heo chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh. Theo đó, Công ty đã liên tục tối ưu hóa quy trình sản xuất, kiểm soát nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu suất vận hành.

Chi phí bán hàng ghi nhận điểm tích cực khi giảm 10,4%, từ 489,2 tỷ đồng xuống 438,2 tỷ đồng, kéo theo tỷ trọng trên doanh thu thuần giảm từ 15,6% xuống 15,0%. Kết quả này phản ánh việc Công ty chủ động tiết giảm chi phí marketing, khuyến mại và hoạt động phân phối theo hướng thận trọng, đồng thời vẫn đảm bảo khả năng tiếp cận thị trường và duy trì hiệu quả bán hàng.

Chi phí tài chính năm 2025 đạt 19,2 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,0% so với năm 2024, với tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng từ 0,6% lên 0,7%. Mức tăng này chủ yếu liên quan đến nhu cầu sử dụng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9,7%, đạt 152,9 tỷ đồng, làm tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng từ 4,4% lên 5,2%. Sự gia tăng này gắn với yêu cầu duy trì bộ máy vận hành, đồng thời phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc củng cố hệ thống quản trị và kiểm soát nội bộ.

Tổng thể, năm 2025 phản ánh rõ áp lực chi phí gia tăng, kéo theo sự thu hẹp biên lợi nhuận. Trong bối cảnh này, VISSAN sẽ tiếp tục ưu tiên các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua tối ưu hóa chi phí đầu vào, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và kênh bán, đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí quản lý. Việc phân bổ nguồn lực hợp lý, tinh gọn bộ máy và duy trì kỷ luật chi phí sẽ là nền tảng giúp Công ty củng cố năng lực cạnh tranh và từng bước cải thiện hiệu quả sinh lời.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2025

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| I Hội đồng quản trị | | | | |
| 1 | Ông Trương Hồng Phong | Chủ tịch HĐQT | CN: 0 ĐD: 16.804.481 | CN: 0 ĐD: 20,77 |
| 2 | Ông Lê Minh Tuấn | TGĐ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT | CN: 8.600 ĐD: 12.944.816 | CN: 0 ĐD: 16,00 |
| 3 | Ông Nguyễn Quốc Trung | Phó Chủ tịch HĐQT | CN: 0 ĐD: 0 | CN: 0 ĐD: 0 |
| 4 | Ông Trương Hải Hưng | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | CN: 4.200 ĐD: 8.090.510 | CN: 0,0052 ĐD: 10,00 |
| 5 | Ông Phan Văn Phúc | Thành viên HĐQT | CN: 0 ĐD: 8.090.510 | CN: 0 ĐD: 10,00 |
| II Ban Kiểm soát | | | | |
| 1 | Ông Trương Việt Tiến | Trưởng BKS | CN: 0 ĐD: 4.854.306 | CN: 0 ĐD: 6,00 |
| 2 | Bà Trịnh Thị Vân Anh | Thành viên BKS | CN: 0 ĐD: 4.045.255 | CN: 0 ĐD: 5,00 |
| 3 | Bà Đỗ Thị Thu Nga | Thành viên BKS | CN: 0 ĐD: 0 | CN: 0 ĐD: 0 |
| III Ban Điều hành | | | | |
| 1 | Ông Lê Minh Tuấn | TGĐ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT | CN: 8.600 ĐD: 12.944.816 | CN: 0 ĐD: 16,00 |
| 2 | Ông Phan Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | CN: 400 ĐD: 0 | CN: 0,0005 ĐD: 0 |
| 3 | Ông Trương Hải Hưng | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | CN: 4.200 ĐD: 8.090.510 | CN: 0,0052 ĐD: 10,00 |
| 4 | Bà Đỗ Thị Thu Thuỷ | Kế toán trưởng | CN: 200 ĐD: 0 | CN: 0,0002 ĐD: 0 |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trương Hồng Phong
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Luật;
- Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Song Kim

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 16.804.481 CP, chiếm 20,77 % VDL

Quá trình công tác:

04/2010 – 09/2014 Chuyên viên Phòng tư pháp UBND Quận Gò Vấp

10/2014 – 09/2017 Phó trưởng phòng Phòng tư pháp UBND Quận Gò Vấp

10/2017 – 10/2021 Chủ tịch UBND Phường 13 Quận Gò Vấp

11/2021 - 04/2025 Giám đốc Pháp chế, SATRA

04/2022 – 04/2025 Thành viên HĐQT, VISSAN

11/2023 - Nay Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Song Kim

04/2025 - Nay Chủ tịch HĐQT, VISSAN

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Minh Tuấn
TGD kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968
Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật;
- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 12.944.816 CP, chiếm 16,00% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 02/2013 - 02/2018 | Phó Giám đốc Kế hoạch và đầu tư tài chính, SATRA |
| 02/2018 - 06/2020 | Phó Tổng Giám đốc, VISSAN |
| 06/2020 - 12/2024 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc VISSAN |
| 12/2024 - Nay | Tổng Giám đốc VISSAN |
| 04/2025 - Nay | Phó Chủ tịch HĐQT, VISSAN |



Ông Nguyễn Quốc Trung
Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư;
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA).

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc CTCP Masan Meatlife;
- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP 3F Việt;
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MNS Meat;
- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt;
- Chủ tịch Công ty TNHH MML Farm Nghệ An;
- Chủ tịch Công ty Meat Deli HN;
- Chủ tịch Công ty Meat Deli Sài Gòn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 2004 - 2014 | Giám đốc Kinh doanh, CTCP Chăn nuôi CP Việt Nam |
| 2014 - Nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, CTCP 3F Việt |
| 12/2020 - 11/2021 | Phó TGD, CTCP Masan Meatlife |
| 12/2021 - Nay | Tổng Giám đốc, CTCP Masan Meatlife |
| 05/2016 - Nay | Chủ tịch Công ty kiêm GD, Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt |
| 11/2021 - Nay | Chủ tịch Công ty, Công ty TNHH MML Farm Nghệ An; Công ty Meat Deli HN; Công ty Meat Deli Sài Gòn |
| 04/2022 - 07/2022 | Thành viên HĐQT, VISSAN |
| 07/2022 - Nay | Phó Chủ tịch HĐQT, VISSAN |



Ông Trương Hải Hưng
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hóa thực phẩm.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 4.200 CP, chiếm 0,0052% VDL
- ĐD: 8.090.510 CP, chiếm 10,00% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|---|
| 04/2005 - 03/2011 | Phó quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN |
| 04/2011 - 12/2019 | Quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN |
| 01/2020 - Nay | Phó Tổng Giám đốc, VISSAN |
| 04/2025 - Nay | Thành viên HĐQT, VISSAN |



Ông Phan Văn Phúc
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế xây dựng;
- Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Trưởng Ban đầu tư Hệ thống bán lẻ, SATRA

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.090.510 CP, chiếm 10,00% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|---|
| 4/2019 - 8/2020 | Phó Ban Quản lý dự án KDC Hiệp Phước, Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận |
| 09/2020 - 05/2022 | Phó Phòng Phát triển kinh doanh, Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận |
| 06/2022 - 01/2025 | Phó Phòng Phát triển kinh doanh, Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận |
| 01/2025 - Nay | Trưởng Ban đầu tư Hệ thống bán lẻ, SATRA |
| 04/2025 - Nay | Thành viên HĐQT, VISSAN |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Lê Minh Tuấn
TGD kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968
Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật;
- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 12.944.816 CP, chiếm 16,00% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 02/2013 - 02/2018 | Phó Giám đốc Kế hoạch và đầu tư tài chính, SATRA |
| 02/2018 - 06/2020 | Phó Tổng Giám đốc, VISSAN |
| 06/2020 - 12/2024 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc VISSAN |
| 12/2024 - Nay | Tổng Giám đốc VISSAN |
| 04/2025 - Nay | Phó Chủ tịch HĐQT, VISSAN |



Ông Trương Hải Hưng
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hoá thực phẩm.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 4.200 CP, chiếm 0,0052% VDL
- ĐD: 8.090.510 CP, chiếm 10,00% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|---|
| 04/2005 - 03/2011 | Phó quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN |
| 04/2011 - 12/2019 | Quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN |
| 01/2020 - Nay | Phó Tổng Giám đốc, VISSAN |
| 04/2025 - Nay | Thành viên HĐQT, VISSAN |



Ông Phan Văn Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA).

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 400 cổ phiếu, chiếm 0,0005% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|---------------------------------|
| 10/2004 - 10/2009 | Phó phòng kinh doanh, VISSAN |
| 11/2009 - 12/2017 | Trưởng phòng kinh doanh, VISSAN |
| 01/2018 - Nay | Phó Tổng Giám đốc, VISSAN |



Bà Đỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính – Kế toán

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 200 CP, chiếm 0,0002% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 08/2013 - 09/2020 | Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, VISSAN |
| 10/2020 - Nay | Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính - Kế toán, VISSAN |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN KIỂM SOÁT



Ông Trương Việt Tiến
 Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán doanh nghiệp;
- Cử nhân Tin học kế toán.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 4.854.858 CP, chiếm 6% VDL

Quá trình công tác:
04/2019 - Nay
 Trưởng Ban Kiểm soát, VISSAN



Bà Trịnh Thị Vân Anh
 Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1988

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 4.045.715 CP, chiếm 5% VDL

Quá trình công tác:
12/2010 - 04/2014
 Kiểm toán viên, Ngân hàng TMCP Á Châu

05/2014 - 07/2016
 Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán AA

08/2016 - 01/2022
 Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận

02/2022 - Nay
 Chuyên viên Phòng tài chính kế toán, SATRA

04/2022 - Nay
 Thành viên Ban kiểm soát, VISSAN



Bà Đỗ Thị Thu Nga
 Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, CTCP 3F Việt

Số cổ phần nắm giữ:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:
2003 - 2012
 Luật sư Quản lý Công ty luật Chan & Goh Việt Nam

2013 - 09/2018
 Trưởng phòng pháp lý Công ty Jollibee Việt Nam

10/2018 - Nay
 Giám đốc Pháp lý và Quan hệ đối ngoại, CTCP Masan Meatlife

11/2021 - Nay
 Thành viên HĐQT, CTCP 3F Việt

04/2022 - Nay
 Thành viên Ban kiểm soát, VISSAN

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thông tin | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Điều hành | |
|-----|-------------------|------------------------------|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Nguyễn Phúc Khoa | Chủ tịch HĐQT | | 24/04/2025 |
| 2 | Nguyễn Ngọc An | Phó Chủ tịch HĐQT | | 24/04/2025 |
| 3 | Trương Hồng Phong | Chủ tịch HĐQT | 24/04/2025 | |
| 4 | Lê Minh Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT | 24/04/2025 | |
| 5 | Trương Hải Hưng | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 24/04/2025 | |
| 6 | Phan Văn Phúc | Thành viên HĐQT | 24/04/2025 | |

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|-----------|--|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| A | Theo trình độ | | | | |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 579 | 15,62% | 545 | 15,92% |
| 2 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 437 | 11,79% | 383 | 11,19% |
| 3 | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 1.880 | 50,71% | 1.767 | 51,61% |
| 4 | Lao động phổ thông | 811 | 21,88% | 729 | 21,29% |
| B | Theo giới tính | | | | |
| 1 | Nam | 1.981 | 53,44% | 1.813 | 52,95% |
| 2 | Nữ | 1.726 | 46,56% | 1.611 | 47,05% |
| C | Theo thời hạn HĐLĐ | | | | |
| 1 | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm | 221 | 5,96% | 167 | 4,88% |
| 2 | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm | 261 | 7,04% | 296 | 8,64% |
| 3 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 3.225 | 87,00% | 2.961 | 86,48% |
| Tổng cộng | | 3.707 | 100% | 3.424 | 100% |

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|----------|----------|----------|----------|
| Tổng số lượng người lao động (người) | 4.193 | 3.791 | 3.707 | 3.424 |
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 10,43 | 9,87 | 9,73 | 8,65 |

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO

Công tác đào tạo được xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị nhân sự cho các mục tiêu phát triển của Công ty.

Trong năm 2025 các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, ban Giám đốc đã tích cực tham gia các chương trình đào tạo về kiến thức và kinh nghiệm liên quan đến Quản trị công ty do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức. Bên cạnh đó là tham dự các chương trình đào tạo bắt buộc theo quy định về Huấn luyện An toàn thực phẩm, An toàn lao động dành cho đối tượng quản lý.

Ngoài ra, để đáp ứng các yêu cầu trong hoàn thiện các tiêu chuẩn về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định pháp luật và kế hoạch đào tạo năm 2025, Bộ phận phụ trách công tác đào tạo thuộc Phòng Tổ chức nhân sự đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho người hoạt động theo quy định:

- Thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho Người lao động theo kế hoạch năm; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự thuộc diện quy hoạch đáp ứng yêu cầu:chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và hiệu quả. Tổ chức triển khai, phổ biến các nội dung pháp luật nhằm cập nhật kiến thức, nội dung phù hợp với tình hình thực tế, nâng cao nghiệp vụ quản lý dành cho lãnh đạo các cấp tại Công ty.
- Đẩy mạnh tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, nâng cao nhận thức về trách nhiệm, đề cao tinh thần học tập và nghiên cứu chuyên môn nghiệp vụ của Người lao động; xác định rõ mục tiêu học tập để nâng cao kiến thức, rèn luyện để thực hiện chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ, công việc được giao.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; thông tin đến các đơn vị cụ thể và chi tiết giúp Người lao động có thể chủ động sắp xếp thời gian, công việc tham gia các trình đào tạo phù hợp.
- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ bên cạnh việc tuân thủ thực hiện các chương trình huấn luyện bắt buộc để người lao động bổ sung kiến thức và vận dụng vào quá trình công tác. Nội dung đào tạo xây dựng phù hợp với đặc thù hoạt động của các đơn vị và đảm bảo cân đối nguồn nhân lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh.



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÁI NGỘ

Trong năm 2025, VISSAN tiếp tục chú trọng xây dựng và hoàn thiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trong thu hút và giữ chân nguồn nhân lực, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống của người lao động. Hệ thống phúc lợi của Công ty được thiết kế theo hướng toàn diện, bao gồm các yếu tố tài chính, thể chất, tinh thần và xã hội, qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, gắn kết và bền vững.

Công ty áp dụng chính sách tiền lương và tiền thưởng gắn với hiệu quả công việc, đảm bảo tính công bằng và khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, đặc biệt đối với đội ngũ nhân sự có chuyên môn và tay nghề cao. Các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc được khen thưởng kịp thời, phù hợp với kết quả đóng góp. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập và sử dụng theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, VISSAN chủ động rà soát, điều chỉnh chính sách tiền lương theo hướng cạnh tranh so với mặt bằng ngành và thị trường, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh thu nhập chính, người lao động còn được hưởng các chế độ phụ cấp và phúc lợi đa dạng như hỗ trợ bữa ăn giữa ca, phụ cấp xăng xe, điện thoại, các chế độ hiếu hỷ, sinh nhật, cũng như tham gia các hoạt động tập thể như du lịch, teambuilding và khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, Công ty áp dụng các chính sách phụ cấp thâm niên và phụ cấp thu hút nhằm ghi nhận sự gắn bó và đóng góp của người lao động.

Nhìn chung, chính sách lương, thưởng và phúc lợi của VISSAN trong năm 2025 được triển khai theo hướng cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm đối với người lao động. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì đội ngũ nhân sự ổn định, nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tiếp theo.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ TUYỂN DỤNG

Với triết lý “Con người là tài sản quý giá nhất”, VISSAN luôn kiên định trong việc xây dựng và phát triển một môi trường nhân sự năng động, chuyên nghiệp và bền vững. Chiến lược quản trị nguồn nhân lực của Công ty được xây dựng một cách toàn diện, linh hoạt và sát sao với các yêu cầu thực tiễn của hoạt động sản xuất kinh doanh. Để đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu nhân lực, Công ty có chính sách tuyển dụng phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty. Việc tuyển dụng được thực hiện theo kế hoạch thường niên và đột xuất, dựa trên:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận;
- Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí;
- Chính sách nhân sự, chính sách lao động – tiền lương và định hướng phát triển của Công ty.

Trong thời gian cao điểm Tết, công ty đã có chính sách tăng lương lao động sản xuất cao điểm Tết từ 225.000 đồng/ngày lên 285.000 đồng/ngày để thu hút lao động đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị.



CHÍNH SÁCH AN TOÀN, BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Việc đầu tư vào cơ sở vật chất được Công ty thực hiện một cách toàn diện, từ văn phòng đến nhà máy. Mục tiêu không chỉ tạo ra không gian làm việc hiện đại, tiện nghi, mà còn là kiến tạo môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng cuộc sống của người lao động. Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, người lao động trong công ty đều được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và bảo hiểm sức khỏe, được thanh toán 100% chi phí điều trị tai nạn lao động.

VISSAN áp dụng một hệ thống quản lý an toàn lao động chuyên nghiệp, với trọng tâm là phòng ngừa và kiểm soát rủi ro. Các chương trình huấn luyện định kỳ về ATLĐ được thực hiện nghiêm túc, đi kèm với các đợt kiểm tra thường xuyên nhằm cải thiện điều kiện làm việc, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm và có hại. VISSAN trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho tất cả Người lao động khi làm việc tại các đơn vị trực tiếp sản xuất với tổng số tiền khoảng trên 10 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

☉ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Về Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan

Dự án di dời và đổi mới công nghệ tại Tây Ninh đã được xác định là dự án trọng điểm, đóng vai trò chiến lược trong quá trình tái cơ cấu và nâng cao năng lực sản xuất của Công ty. Ngày 24/4/2025, Đại hội đồng cổ đông đã ban hành Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN, cập nhật và điều chỉnh phân kỳ đầu tư, quy mô sản lượng, tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn, và phương án huy động vốn, làm cơ sở để trình UBND tỉnh Tây Ninh xem xét điều chỉnh dự án. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ngày 12/11/2025, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 8373/QĐ-UBND, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong đó quy định thời hạn 12 tháng để hoàn tất các thủ tục liên quan đến đất đai, xây dựng, môi trường và đưa dự án vào hoạt động. Ngày 31/12/2025, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 11857/QĐ-UBND “về việc cho phép Công Ty Cổ Phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản gia hạn sử dụng đất”. Đây là kết quả nỗ lực không ngừng của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, mở ra cơ hội cho công ty triển khai các bước tiếp theo.

Về xử lý hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo

Công ty đang tích cực triển khai theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị nhằm giải quyết Hợp đồng thuê đất với Công ty ITACO trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông. Trong năm, Công ty đã nhiều lần đôn đốc ITACO thực hiện các hồ sơ, thủ tục liên quan để tiến tới bàn giao đất theo thỏa thuận. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện chưa đáp ứng cam kết. Đến ngày 16/12/2025, ITACO đã phối hợp đo đạc, định vị mốc ranh khu đất.

Về các dự án đầu tư khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

- Công ty đã triển khai các dự án đầu tư phát triển với tổng giá trị giải ngân khoảng 37,9 tỷ đồng, bao gồm nhiều dự án quan trọng phục vụ sản xuất kinh doanh.
- 07 dự án trọng điểm bao gồm: Máy Bowl Cutter, Lò sấy xông khói, Lò tiệt trùng tự động, Cải tạo sửa chữa phòng IVC, Mở rộng năng lực sản xuất chuyển xúc xích tươi, Thiết bị chưng cất đậm, Cải tạo mặt bằng 21 Huỳnh Khương An thành kho và văn phòng kho đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng tiến độ.
- Các dự án còn lại như Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Nhà máy tại Tp.HCM, Máy chủ ảo, Hệ thống cấp xúc xích tự động cho máy đóng gói xúc xích Family, đều đang triển khai đúng tiến độ để phục vụ nhu cầu sản xuất.



☉ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|-----|---|-----------|-----------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.848.467 | 2.106.005 | -12,2% |
| 2 | Doanh thu thuần | 2.921.564 | 3.137.264 | -6,9% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 665.058 | 746.524 | -10,9% |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 102.221 | 139.870 | -26,9% |
| 5 | Lợi nhuận khác | 2.856 | 1.669 | 71,1% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 105.077 | 141.539 | -25,8% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 82.056 | 111.055 | -26,1% |
| 8 | Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng) | 359 | 635 | -43,5% |



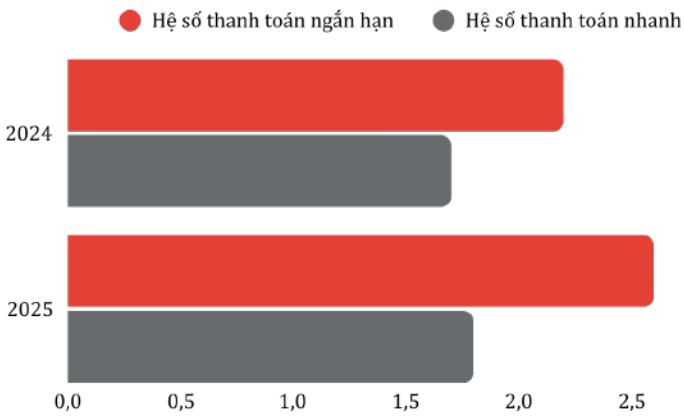
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,2 | 2,6 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 1,7 | 1,8 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 38,5 | 30,9 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 62,6 | 44,8 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 5,3 | 5,2 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,5 | 1,5 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 3,5 | 2,8 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 8,6 | 6,4 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 5,2 | 4,2 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần | % | 4,5 | 3,5 |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

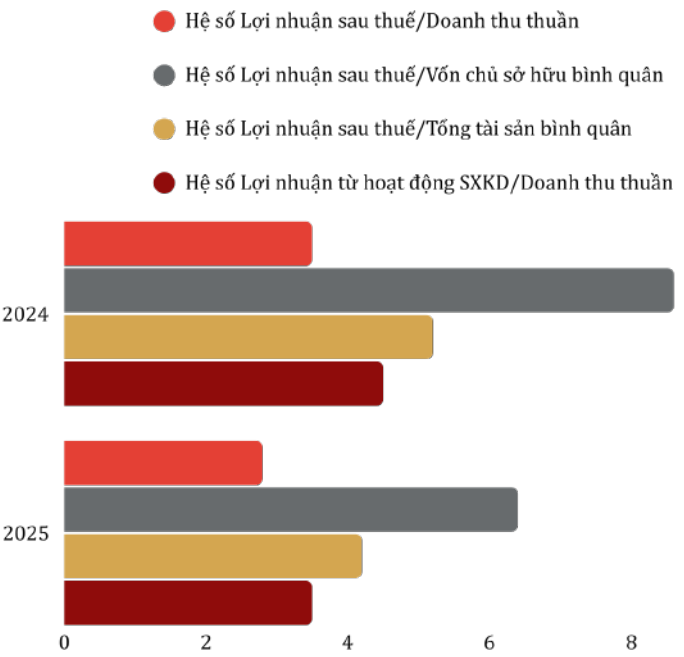
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2025 lần lượt đạt 2,6 lần và 1,8 lần, tăng so với mức 2,2 lần và 1,7 lần của năm 2024. Diễn biến này cho thấy năng lực thanh toán ngắn hạn của Công ty được cải thiện, phản ánh mức độ chủ động cao hơn trong việc quản lý nguồn lực tài chính và khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ đến hạn.



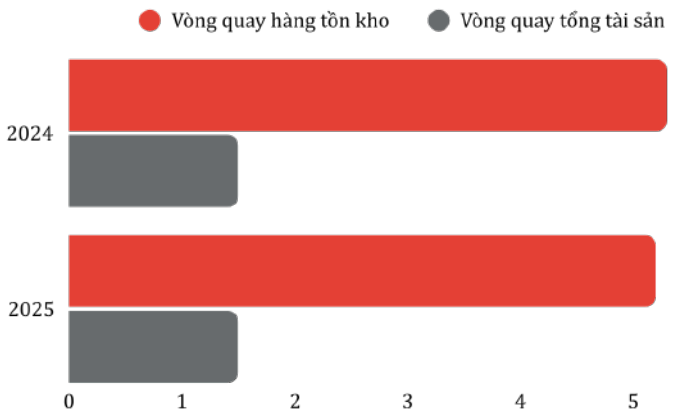
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu sinh lời năm 2025 ghi nhận xu hướng suy giảm so với năm trước, phản ánh tác động của việc doanh thu giảm trong khi áp lực chi phí đầu vào vẫn ở mức cao, dẫn đến biên lợi nhuận bị thu hẹp.



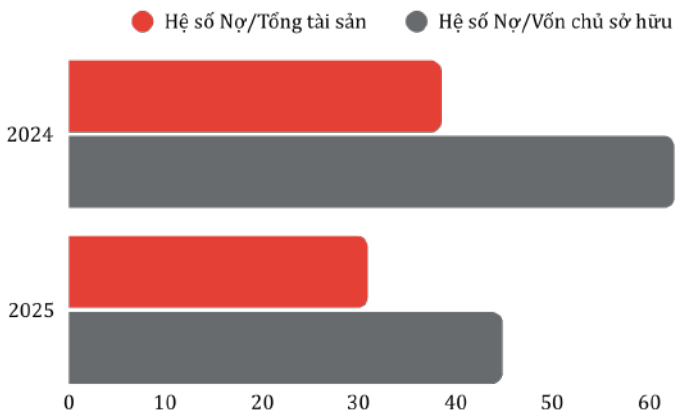
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay tổng tài sản năm 2025 duy trì ổn định ở mức 1,5 vòng. Trong khi đó, vòng quay hàng tồn kho là 5,2 vòng, tương đương so với cùng kỳ. Công ty vẫn duy trì mức tồn kho hợp lý, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục và ổn định.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2025 tiếp tục chuyển dịch theo hướng an toàn hơn. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 38,5% xuống 30,9%, trong khi hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 62,6% xuống 44,8%. Diễn biến này cho thấy Công ty đã chủ động kiểm soát đòn bẩy tài chính, qua đó giảm mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay, hạn chế rủi ro tài chính trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều biến động.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 80.905.100 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 80.904.500 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 600 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Loại cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--|------------|--------------|
| 1 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV (SATRA) | 54.829.878 | 67,77% |
| 2 | Công ty Cổ phần Masan Meatlife | 20.180.026 | 24,94% |

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Căn cứ công văn số 666/UBCK-PTTT ngày 16 tháng 02 năm 2023, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản là: 0%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------|----------------|---------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 54.829.878 | 67,77% | 1 | 1 | - |
| | Cổ đông lớn | 75.009.904 | 92,71% | 2 | 2 | - |
| 2 | - Trong nước | 75.009.904 | 92,71% | 2 | 2 | - |
| | - Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| | Công đoàn công ty | 16.018 | 0,02% | 1 | 1 | - |
| | | | | | | |
| 3 | - Trong nước | 16.018 | 0,02% | 1 | 1 | - |
| | - Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | 600 | 0,00% | 1 | 1 | - |
| 5 | Cổ đông khác | 5.878.578 | 7,27% | 1.096 | 9 | 1.087 |
| | - Trong nước | 2.558.658 | 3,17% | 1.085 | 7 | 1.078 |
| | - Nước ngoài | 3.319.920 | 4,10% | 11 | 2 | 9 |
| TỔNG CỘNG | | 80.905.100 | 100% | 1.100 | 13 | 1.087 |
| Trong đó: - Trong nước | | 77.585.180 | 95,90% | 1.089 | 11 | 1.078 |
| - Nước ngoài | | 3.319.920 | 4,10% | 11 | 2 | 9 |

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“
VISSAN cam kết xây dựng một mô hình kinh doanh toàn diện, nơi giá trị bền vững được tích hợp sâu sắc trong mọi hoạt động của doanh nghiệp. Với tầm nhìn chiến lược, công ty đặt mục tiêu cân bằng giữa ba trụ cột quan trọng: phát triển kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Hệ thống quản lý phát triển bền vững của VISSAN được thiết kế như một cơ chế vận hành tinh gọn và hiệu quả. Từ giai đoạn hoạch định đến quản lý, từ thực thi đến điều phối, mỗi chiến lược và hành động đều được xây dựng một cách có hệ thống, nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa lợi ích kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

Bằng cách này, VISSAN không chỉ là một doanh nghiệp theo đuổi lợi nhuận, mà còn là một đối tác đáng tin cậy, cam kết mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng, nhân viên và môi trường. Mỗi quyết định, mỗi hoạt động đều được định hướng bởi nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm và phát triển toàn diện.”

TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đặc thù ngành nghề của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, VISSAN nhận thức rất rõ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Do đó, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng và nỗ lực giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với phát thải khí nhà kính, đây là vấn đề nóng toàn cầu khi biến đổi khí hậu đang trở thành một thách thức lớn. Nguồn phát thải khí nhà kính của VISSAN chủ yếu đến từ lượng điện và nhiên liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất tại các nhà máy và phương tiện vận chuyển; trong khi khối văn phòng chủ yếu phát sinh từ điện sinh hoạt.

Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường giúp Công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cùng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường xung quanh.

Trong những năm qua, VISSAN đã triển khai dự án kiểm kê khí nhà kính, lập kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tới năm 2030, tiến tới mục tiêu Net Zero (phát thải ròng bằng không) vào năm 2050 của Chính phủ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê, Công ty xác định đầy đủ các nguồn phát thải trực tiếp (Scope 1) và gián tiếp (Scope 2), đồng thời xây dựng kịch bản phát thải cơ sở (BAU) làm căn cứ cho việc lập kế hoạch giảm nhẹ phát thải trong các giai đoạn tiếp theo.

| Phát thải nhà kính | Tổng lượng phát thải khí nhà kính (tấn CO ₂ e) | Tổng lượng khí nhà kính đã giúp kéo giảm (tấn CO ₂ e) |
|--------------------|---|--|
| Năm 2025 | 11.577,3 | Chưa thống kê tổng lượng khí giảm phát thải |

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Nhận thức rõ tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất chế biến. Trong sản xuất, Công ty sử dụng túi vải UNICLAD bọc bảo ôn phụ kiện hơi bão hòa. Ngoài ra, Công ty đã đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý mùi, bụi, khí thải và đang hoạt động ổn định, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại thải, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN LÝ CHẤT THẢI

- Chất thải sinh hoạt: Hệ thống thùng rác được bố trí trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng vứt bỏ bừa bãi loại rác thải này. Bên cạnh đó, VISSAN còn ký kết hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phước Thiên để thu gom rác thải sinh hoạt hằng ngày
- Chất thải sản xuất: được phân thành hai loại Chất thải không nguy hại và Chất thải sản xuất nguy hại. Trong đó, chất thải không nguy hại phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của người lao động khu vực sản xuất của Công ty. Loại chất thải này được thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Các chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng như thùng giấy,... được thu gom, cho vào bao tải và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Các chất thải không có khả năng tái chế được thu gom riêng và xử lý bởi đơn vị có chức năng theo hợp đồng đã ký kết với công ty.

Đối với Chất thải sản xuất nguy hại phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, hoặc phát sinh từ quá trình vệ sinh khu vực sản xuất định kỳ. Loại chất thải này được phân loại, đóng gói theo từng chủng loại theo đúng yêu cầu về an toàn kỹ thuật, và được dán nhãn theo quy định. Sau đó, loại chất thải này sẽ được tập kết tại khu vực an toàn riêng biệt, có rào chắn và biển báo trước khi được đơn vị chức năng thu gom xử lý. VISSAN đã ký kết hợp đồng với công ty dịch vụ để vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

| Tổng khối lượng chất thải rắn được xử lý (tấn) | Phương thức xử lý | |
|--|------------------------------------|-------------------|
| | Thuê xử lý | |
| | Tên nhà thầu | Thời hạn hợp đồng |
| 2.003 | Công ty TNHH MTV Phước Thiên | Ký hằng năm |
| | Công ty TNHH Việt Xanh Group | Ký hằng năm |
| | Công ty TNHH XD-TM-DV Việt Xanh QN | Ký hằng năm |
| | Công ty CP SX-TM Giấy Ngọc Bích | Ký hằng năm |

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp chuyên sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm, nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất chiếm tỷ trọng chính trong chi phí giá thành sản phẩm. Vì vậy, tập trung vào việc rà soát, hoàn thiện, chuẩn hóa và đồng bộ hóa các bộ tiêu chuẩn định mức về tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu thụ cũng như các tiêu chuẩn chất lượng sản để tối ưu hóa quá trình sản xuất và giảm thiểu chi phí hoạt động.

Công ty luôn cập nhật, theo dõi tình hình thị trường thường xuyên, nhằm tăng cường sự chủ động trong việc tìm kiếm, mua hàng và đàm phán giá với các nhà cung cấp. Điều đó, giúp Công ty đảm bảo nguồn hàng ổn định về số lượng và chất lượng cũng như giá cả phù hợp. Đồng thời, công ty cũng xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững với các nhà cung cấp đáng tin cậy, hướng tới việc đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định trong dài hạn.

Công ty đặt ra các kế hoạch sản xuất chi tiết, điều chỉnh số lượng hàng tồn kho một cách hợp lý và đồng thời giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất. Quản lý tồn kho vật tư được thực hiện chặt chẽ thông qua việc xây dựng các biện pháp quản lý kho hiệu quả, nhằm giảm thiểu chi phí tồn kho, hạn chế lãng phí nguyên liệu và nâng cao tính minh bạch cũng như sự hiệu suất quản lý nguồn lực.

TIÊU THỤ NƯỚC

Hợp tác chặt chẽ với Chính phủ, tổ chức và cá nhân, Công ty đồng lòng nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường nước. Công ty cam kết tuân thủ mọi quy định bảo vệ môi trường và hành động theo đúng triết lý “cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống”. Chúng tôi đặt ra chính sách khuyến khích cán bộ - nhân viên sử dụng nước một cách tiết kiệm.

Công ty hiện đang sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Nhà máy cấp nước Gia Định. Công ty liên tục đầu tư vào việc xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo rằng nước thải luôn đáp ứng đúng yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi được xả ra môi trường. Cụ thể, Công ty đã triển khai hệ thống xử lý nước thải với công suất 990 m³/ngày trước khi đưa nước thải ra sông Sài Gòn. Đồng thời, chúng tôi cũng thực hiện tái sử dụng một lượng lớn nước hàng năm.

- Lượng nước sử dụng để sản xuất trong năm 2025:** 296.578 m³
- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái chế và tái sử dụng năm 2025:** 5,2%
- Tổng lượng nước thải được xử lý:** 231.186 m³

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Các hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo quan tâm chỉ đạo tối ưu hóa, giúp tiết giảm chi phí năng lượng, nhiên liệu và cũng đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Ngoài việc đầu tư vào trang thiết bị hiện đại và các giải pháp tiết kiệm năng lượng, việc thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ đối với thiết bị và máy móc đang sử dụng cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm tiêu thụ năng lượng và tăng cường hiệu suất hoạt động.

Vật liệu thừa của ngành nông nghiệp (tro trấu ...) được Công ty sử dụng để tạo ra năng lượng phục vụ sản xuất giúp giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, góp phần giảm nguy cơ biến đổi khí hậu. Hệ thống xử lý khí thải được Công ty Năng lượng Xanh – đơn vị bán hơi cho VISSAN đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

Công ty đang nghiên cứu và từng bước áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng như tối ưu vận hành hệ thống lạnh, kiểm soát rò rỉ môi chất lạnh và nâng cao hiệu suất thiết bị. Đồng thời, VISSAN hướng tới triển khai hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 nhằm thiết lập đường cơ sở năng lượng và các chỉ số hiệu suất năng lượng (EnPI) phục vụ công tác quản lý dài hạn. Bên cạnh đó, Công ty định hướng từng bước chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo, trong đó xem xét triển khai hệ thống điện mặt trời áp mái nhằm giảm phát thải gián tiếp từ điện lưới và nâng cao tính bền vững trong hoạt động sản xuất.

Vật tư, nhiên liệu sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại VISSAN năm 2025

| STT | Năng Lượng | ĐVT | Tổng lượng sử dụng 2025 |
|-----|------------|-----|-------------------------|
| 1 | Điện | kWh | 14.203.461 |
| 2 | Dầu DO | kg | 19.065 |
| 3 | Gas | kg | 15.006 |

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

VISSAN xác định bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là một phần cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty xây dựng các chính sách và định hướng quản lý môi trường theo hướng toàn diện, đồng thời thúc đẩy nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên trong mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các yếu tố môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất. Các chỉ tiêu về tiêu thụ năng lượng và phát thải được theo dõi thường xuyên, duy trì ở mức ổn định, góp phần hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường và đảm bảo điều kiện vận hành an toàn, bền vững.

Đồng thời, VISSAN từng bước hoàn thiện hệ thống đo lường, giám sát và báo cáo phát thải khí nhà kính theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện theo dõi tiêu thụ năng lượng, xác định hệ số phát thải và đánh giá hiệu quả các giải pháp giảm nhẹ phát thải; các hoạt động giám sát và báo cáo được triển khai định kỳ nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý môi trường.

Với định hướng tích hợp yếu tố môi trường trong toàn bộ quá trình ra quyết định, từ thiết kế sản phẩm đến tổ chức sản xuất, VISSAN đảm bảo sự cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Trong năm 2025, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, không phát sinh vi phạm và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

○ BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

VISSAN xác định trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty luôn chú trọng triển khai các hoạt động chăm lo đời sống người lao động và tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, qua đó góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm lo cho người lao động thông qua nhiều chính sách phúc lợi thiết thực. VISSAN đã thực hiện hỗ trợ Tết cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh nan y với tổng giá trị 32 triệu đồng. Đồng thời, Công ty triển khai các chương trình phúc lợi thường niên như tặng quà sinh nhật, hỗ trợ tiền mừng cưới, mua bảo hiểm tai nạn toàn diện, tổ chức nghỉ mát, thăm và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, cũng như trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh, với tổng chi phí lên đến 7.876,2 triệu đồng. Các hoạt động này góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đồng thời tăng cường sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, VISSAN tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội và hỗ trợ cộng đồng với tổng giá trị đóng góp 505,5 triệu đồng. Công ty đã đồng hành cùng các chương trình như “Satra vì biển đảo quê hương”, hỗ trợ Hải quân Vùng 4, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ, qua đó thể hiện tinh thần trách nhiệm và sự sẻ chia với xã hội.

Thông qua các hoạt động nêu trên, VISSAN tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp gắn bó với cộng đồng, không ngừng lan tỏa tinh thần trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững. Công ty cam kết duy trì và phát huy các hoạt động này trong thời gian tới, góp phần tạo dựng giá trị lâu dài cho cộng đồng, đối tác và xã hội.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|--|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 72 |
| Đánh giá tình hình tài chính | 74 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức | 76 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 79 |



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

◎ TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THUẬN LỢI

- Uy tín thương hiệu:** Thương hiệu VISSAN với hơn 55 năm xây dựng và phát triển đã khẳng định được vị thế vững chắc trên thị trường, trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thực phẩm chế biến và thực phẩm tươi sống. Với uy tín thương hiệu lâu năm và chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao, an toàn và ngon miệng nên người tiêu dùng luôn ưu tiên, tin tưởng lựa chọn sản phẩm của Công ty.
- Hệ thống phân phối:** VISSAN có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, bao gồm các cửa hàng, siêu thị, chợ truyền thống. Ngoài ra, VISSAN đã đẩy mạnh triển khai kênh bán hàng online, thông qua kênh bán hàng có thể thực hiện thao tác mua hàng đơn giản ngay tại nhà mang đến nhiều cơ hội cho VISSAN tiếp cận rộng rãi hơn đến người tiêu dùng.
- Chất lượng sản phẩm:** Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển nguồn nguyên liệu heo hơi theo hướng 3F, hướng đến đáp ứng 30-40% nhu cầu của Công ty trong dài hạn. Về nguồn nguyên liệu, đàn heo được lựa chọn kỹ càng từ trại chăn nuôi riêng của VISSAN và các trang trại liên kết, được chứng nhận VietGAP, bảo đảm an toàn.
- Dây chuyền hiện đại:** Dây chuyền giết mổ heo của VISSAN được xem là một trong những dây chuyền hiện đại nhất Việt Nam. Công ty đã phát triển hơn 300 chủng loại sản phẩm chế biến đa dạng, an toàn cho sức khỏe và phù hợp với cân bằng dinh dưỡng, cung cấp cho thị trường toàn quốc trên 21.000 tấn sản phẩm chế biến mỗi năm.

KHÓ KHĂN

- Tiêu dùng thận trọng:** Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh xung đột địa chính trị kéo dài, căng thẳng thương mại leo thang và hoạt động sản xuất – kinh doanh toàn cầu bị gián đoạn. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đến thu nhập và tâm lý tiêu dùng, khiến người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu, đặc biệt đối với các sản phẩm không thiết yếu, qua đó tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của VISSAN.
- Nguồn cung biến động:** Dịch tả lợn châu Phi (ASF) bùng phát trở lại đã gây thiệt hại cho ngành chăn nuôi, làm suy giảm nguồn cung thịt lợn và đẩy giá nguyên liệu tăng cao. Diễn biến này tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất của VISSAN, đặc biệt đối với các sản phẩm chế biến từ thịt lợn.
- Cạnh tranh gia tăng:** Thị trường thực phẩm chế biến ngày càng cạnh tranh với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các đối thủ có xu hướng đẩy mạnh khuyến mại, cạnh tranh về giá và đầu tư phát triển sản phẩm mới, làm gia tăng áp lực lên giá bán, thị phần và yêu cầu đổi mới sản phẩm đối với VISSAN.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

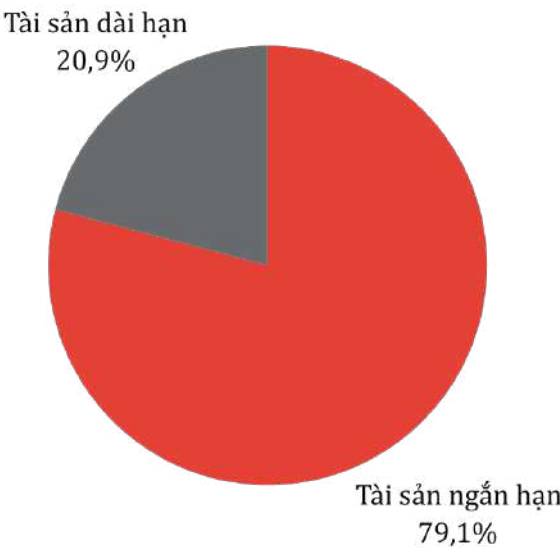
| Chỉ tiêu | 31/12/2025 | | 31/12/2024 | | % Tăng giảm |
|---------------------|------------------|---------------|------------------|---------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 1.462.614 | 79,1% | 1.720.654 | 81,7% | -15,0% |
| Tài sản dài hạn | 385.853 | 20,9% | 385.351 | 18,3% | 0,1% |
| Tổng tài sản | 1.848.467 | 100,0% | 2.106.005 | 100,0% | -12,2% |

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.848,5 tỷ đồng, giảm 12,2% so với cuối năm 2024. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc cân đối lại các khoản vay ngắn hạn dựa trên tình hình lãi suất vay tăng cao vào cuối năm 2025.

Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, đạt 1.462,6 tỷ đồng, tương đương 79,1% tổng tài sản. Tỷ trọng cao của tài sản ngắn hạn cho thấy Công ty duy trì nền tảng thanh khoản tốt, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong khi đó, tài sản dài hạn ghi nhận 385,9 tỷ đồng, gần như không biến động so với mức 385,4 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất. Quy mô tài sản dài hạn duy trì ổn định phản ánh định hướng đầu tư thận trọng, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống tài sản hiện hữu thay vì gia tăng đầu tư mới.

CƠ CẤU TÀI SẢN 2025



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

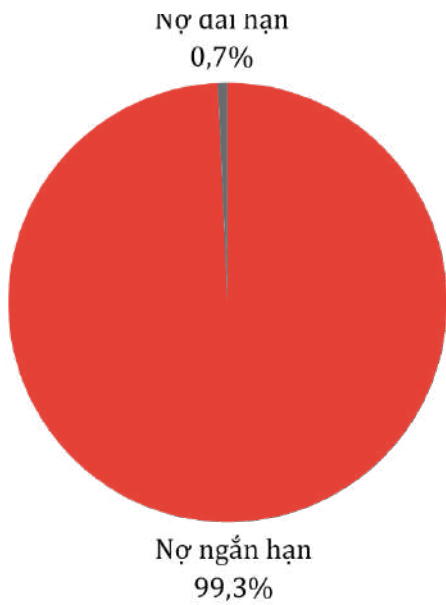
ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2025 | | 31/12/2024 | | % Tăng giảm |
|--------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Nợ ngắn hạn | 567.349 | 99,3% | 785.180 | 96,8% | -27,7% |
| Nợ dài hạn | 4.228 | 0,7% | 25.875 | 3,2% | -83,7% |
| Nợ phải trả | 571.577 | 100,0% | 811.055 | 100,0% | -29,5% |

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 571,6 tỷ đồng, giảm 29,5% so với cuối năm 2024. Mức giảm đáng kể này phản ánh rõ định hướng giảm đòn bẩy tài chính và nâng cao mức độ an toàn tài chính của Công ty. Cơ cấu nợ tiếp tục nghiêng về nợ ngắn hạn, chiếm 99,3% tổng nợ phải trả, trong khi nợ dài hạn chỉ chiếm 0,7%, cho thấy Công ty duy trì chiến lược sử dụng nguồn vốn linh hoạt và hạn chế các nghĩa vụ dài hạn.

Cụ thể, nợ ngắn hạn ghi nhận 567,3 tỷ đồng, giảm 27,7% so với cùng kỳ, chủ yếu phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc thu hẹp quy mô nợ ngắn hạn cho thấy Công ty đã cải thiện đáng kể khả năng tự tài trợ và quản trị dòng tiền, qua đó giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, nợ dài hạn giảm mạnh 83,7%, xuống còn 4,2 tỷ đồng, góp phần gia tăng tính chủ động trong điều hành nguồn vốn.

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ 2025



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

NHỮNG TIÊU CHUẨN TRONG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG CÔNG TY ĐANG ÁP DỤNG

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản đang áp dụng nhiều tiêu chuẩn cơ sở, Việt Nam và quốc tế trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ, cụ thể:

| | |
|---|---|
| Quản lý | <p>Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 do BSI (Tổ chức tiêu chuẩn Vương Quốc Anh) cấp chứng nhận.</p> |
| Môi trường | <p>Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015 do BSI (Tổ chức tiêu chuẩn Vương Quốc Anh) cấp chứng nhận.</p> |
| Chăn nuôi | <p>Chứng nhận VietGap do trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL cấp chứng nhận, chuỗi thực phẩm an toàn do Ban quản lý đề án chuỗi thực phẩm an toàn TP HCM cấp.</p> |
| Sản phẩm tươi sống & Chuỗi thực phẩm an toàn (Trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ điểm bán) | <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận ESCAS (tiêu chuẩn của chính phủ Úc giết mổ bò nhân đạo và đảm bảo an toàn thực phẩm) do chính phủ Úc thông qua Cơ quan Thú Y và An toàn thực phẩm Úc (AQIS). AQIS là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc (DAFF). Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm BSI HACCP & GMP do BSI (Tổ chức tiêu chuẩn Vương Quốc Anh) cấp chứng nhận. Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia chuỗi thực phẩm an toàn thịt heo (loại hình giết mổ), thịt bò (loại hình giết mổ) do Ban quản lý đề án chuỗi thực phẩm an toàn TP HCM cấp. |

| | |
|--|--|
| Kinh doanh | <p>Chứng nhận đủ điều kiện tham gia “Chuỗi thực phẩm an toàn” thịt heo, thịt bò (chăn nuôi, giết mổ, phân phối).</p> |
| Kiểm nghiệm nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra | <p>Chứng nhận phòng thử nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017.</p> |
| Sản xuất chế biến | <ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm: chế biến các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, củ, quả: chế biến gia vị (hạt nêm) Chứng nhận ISO 9001: 2015: sản xuất kinh doanh thực phẩm chế biến đông lạnh, thực phẩm đã qua chế biến từ thịt gia súc, gia cầm, thủy hải sản do QUACERT cấp. Chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn HAC-CP Codex 2020 do QUACERT cấp. Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000 : 2018 do QUACERT cấp. Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm: thủy sản phôi chế cấp đông, có xử lý nhiệt, không ăn liền do chi cục chất lượng, chế biến và phát triển thị trường khu vực Nam Bộ (hàng xuất khẩu). |

NHỮNG CÁI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

- Vissan chú trọng đến an toàn thực phẩm và vệ sinh ngay từ bước nguyên liệu. Nguồn nguyên liệu heo và bò sẽ được kiểm tra đầu vào, đáp ứng yêu cầu về động vật khỏe mạnh và hoàn toàn không có mầm bệnh. Thịt đã giết mổ sẽ được kiểm tra, đóng tem kiểm dịch bởi Cơ quan Thú y Nhà nước trước khi được chế biến và được kiểm soát chặt chẽ bởi các quy trình, kế hoạch kiểm soát chất lượng.
- **Kế hoạch chất lượng:**
 - Công ty xây dựng kế hoạch chất lượng cho từng sản phẩm, dịch vụ cụ thể, bao gồm các mục tiêu, yêu cầu và biện pháp thực hiện.
- **Quy trình kiểm soát chất lượng đầu vào:**
 - Đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. Kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào, lựa chọn những vật liệu đầu vào đạt tiêu chuẩn: theo lô bằng các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh, hóa sinh theo tiêu chuẩn cơ sở, quy cách hàng hóa và hợp đồng.
 - Định kỳ kiểm soát hàng lưu kho đối chiếu với tiêu chuẩn.
 - Khi các nguyên liệu đưa vào quá trình sản xuất đều được kiểm tra chất lượng đầu vào lần nữa, kiểm soát cách sử dụng những nguyên vật liệu này theo quy trình sản xuất đã quy định để đảm bảo chất lượng.
 - Giải quyết những vấn đề phát sinh với các nhà cung cấp bằng biên bản và hợp đồng, đánh giá chất lượng, năng lực các nhà cung ứng sản phẩm định kỳ.
- **Quy trình kiểm soát chất lượng quá trình sản xuất:**
 - Kiểm soát chất lượng bán thành phẩm trên dây chuyền bằng quy trình, hướng dẫn công việc trong quá trình sản xuất giúp tối ưu chi phí, hạn chế xử lý tái chế đảm bảo chất lượng trong suốt quá trình.
 - Thu thập, phân loại lỗi sản phẩm bằng biên bản sản phẩm không phù hợp, xác định nguyên nhân đưa ra hướng xử lý, lập kế hoạch khắc phục phòng ngừa kịp thời.
- **Quy trình kiểm soát chất lượng đầu ra:**
 - Công nhân kiểm tra sản phẩm 100% trước khi đóng gói dựa vào tiêu chuẩn cơ sở.
 - Căn cứ tiêu chuẩn cơ sở, bộ phận quản lý chất lượng đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho chờ xuất bán, lấy mẫu kiểm tra theo lô các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh, hóa sinh,...
 - Tại các điểm bán, có đội ngũ quản lý chất lượng kiểm tra điều kiện trưng bày và phân phối sản phẩm. Có Ban Giải Quyết Khiếu Nại chăm sóc khách hàng và giải quyết nhanh chóng những yêu cầu cũng như khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm, từ đó đề xuất cải tiến sản phẩm.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH CẢI TIẾN TRONG TƯƠNG LAI

Vissan đang đối mặt với cơ hội thị trường và thách thức cạnh tranh từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lớn, đòi hỏi lãnh đạo Công ty phải xem xét các bước đi chiến lược quan trọng.

Trong tương lai, Vissan tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ thông qua các kế hoạch sau:

- Đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, tiên tiến.
- Chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.
- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng.
- Nâng cấp chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp
- Mở rộng hệ thống phân phối trên nền tảng số, tiếp cận nhiều khách hàng hơn.
- Tiếp tục mở rộng phạm vi chứng nhận theo các tiêu chuẩn hệ thống chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 22000 cho tất cả dòng sản phẩm chế biến và áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo công nghệ TE-FOOD cho ngành hàng chế biến để đảm hiệu quả việc thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm

Công ty VISSAN không chỉ tập trung vào việc sản xuất thực phẩm chất lượng cao mà cam kết tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường hướng đến nền sản xuất dựa vào kinh tế xanh, tuần hoàn: nhằm giảm thiểu phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và tái chế, tái sử dụng các sản phẩm, vật liệu.

Với những nỗ lực không ngừng, Vissan cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, an toàn cho sức khỏe.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | % so với thực hiện |
|-----|-------------------------|------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 2.972.308 | 3.270.000 | 110,0 |
| 2 | Mặt hàng bán ra chủ yếu | Tấn | | | |
| 2.1 | Thịt heo các loại | Tấn | 7.600 | 7.730 | 101,7 |
| 2.2 | Thịt bò | Tấn | 511 | 538 | 105,3 |
| 2.3 | Thực phẩm chế biến | Tấn | 18.547 | 20.350 | 109,7 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 105.077 | 116.000 | 110,4 |



Kế hoạch Tổng doanh thu

3.270.000 triệu đồng



Kế hoạch Lợi nhuận trước thuế

116.000 triệu đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2026

Đối với Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN

Phối hợp hoàn thiện thủ tục pháp lý và xử lý các gói thầu tồn đọng. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh dự án và thực hiện các thủ tục cần thiết để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Phấn đấu khởi công công trình trong quý IV/2026, đáp ứng yêu cầu tiến độ tại Quyết định số 8373/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tây Ninh, đồng thời cân đối nguồn vốn, hạn chế tối đa áp lực tài chính lên hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

Đối với xử lý hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo

Thực hiện theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về phương án giải quyết việc thực hiện Hợp đồng thuê đất với Công ty ITACO theo đúng quy định trên cơ sở bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Đối với các dự án đầu tư phát triển khác

- Đảm bảo tiến độ triển khai dự án xây dựng mới Xí nghiệp Chăn nuôi VISSAN Bình Dương, phấn đấu khởi công trong quý III/2026.
- Rà soát, đề xuất đầu tư máy móc, thiết bị để kết nối sản xuất đồng bộ nhằm giảm lao động thủ công và tăng năng suất lao động. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư được Hội đồng quản trị phê duyệt nhằm phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tập trung triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có nghị quyết phê duyệt đầu tư của Hội đồng quản trị hoặc thuộc phân cấp Tổng giám đốc như: Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Nhà máy tại Tp.HCM; Hệ thống cấp xúc xích tự động cho máy đóng gói xúc xích Family.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--|----|
| Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty | 84 |
| Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc | 86 |
| Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị | 87 |



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025 tiếp tục ghi nhận nhiều yếu tố bất định của kinh tế toàn cầu khi xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, căng thẳng địa chính trị kéo dài và các rào cản thuế quan ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại và dòng vốn quốc tế. Dù áp lực lạm phát có xu hướng hạ nhiệt và một số ngân hàng trung ương lớn đã bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ một cách thận trọng, đà phục hồi của hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi toàn cầu vẫn diễn ra chậm, thể hiện qua mức tăng trưởng GDP toàn cầu đạt khoảng 3,2%.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam tiếp tục thể hiện khả năng chống chịu và duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP năm 2025 ước đạt 8,02% với động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ giải ngân đầu tư công, sự phục hồi của khu vực sản xuất công nghiệp và tăng trưởng xuất khẩu, đặc biệt từ khối doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, sức cầu nội địa vẫn chưa hoàn toàn phục hồi về mức trước dịch, chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bất lợi như thời tiết cực đoan gây thiệt hại ước tính 99.469 tỷ đồng theo Tổng cục Thống kê.



Về hoạt động kinh doanh:

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục bám sát diễn biến của thị trường thực phẩm và bối cảnh kinh tế vĩ mô để đưa ra các định hướng điều hành linh hoạt, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đồng thời chú trọng kiểm soát chi phí và tối ưu hiệu quả vận hành. Tuy nhiên, Công ty vẫn đối mặt với nhiều thách thức khi nhu cầu thị trường phục hồi chậm, sức mua chưa cải thiện rõ rệt, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh.

Kết quả, tổng doanh thu năm 2025 đạt 2.972,3 tỷ đồng, hoàn thành 89,1% kế hoạch ĐHCĐ đề ra và lợi nhuận trước thuế đạt 105,1 tỷ đồng, tương ứng 90,6% kế hoạch. Kết quả này phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc duy trì hoạt động ổn định, chủ động triển khai các chương trình bán hàng và tiết giảm chi phí nhằm thích ứng với điều kiện thị trường còn nhiều biến động.

Về quản trị Công ty:

Hoạt động quản trị doanh nghiệp được đặc biệt chú trọng trong bối cảnh Công ty đang từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững. Theo đó, VISSAN đã đẩy mạnh triển khai công tác Chuyển đổi số và không ngừng cải thiện Văn hóa doanh nghiệp để phát huy tiềm năng của các Giá trị cốt lõi của Công ty, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về nhân sự:

Trong năm qua, Công ty đã chú trọng và đầu tư mạnh mẽ vào công tác phát triển nguồn nhân lực, nhận thức rõ ràng rằng việc phát triển nguồn nhân lực không chỉ mang lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp mà còn cho người lao động. Công ty đã chủ động thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, cũng như khả năng quản lý điều hành cho đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đặc biệt, VISSAN đã hỗ trợ chi phí cho nhân viên tham gia các khóa học cao học và đại học để nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn.

Công ty cũng xây dựng một môi trường làm việc năng động và thân thiện, kết hợp với các chính sách đãi ngộ, phúc lợi hợp lý và khen thưởng nhằm thu hút và tuyển dụng nguồn nhân lực từ bên ngoài. Đồng thời, công ty cũng chú trọng đến việc duy trì và ổn định nguồn nhân lực hiện có, tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và doanh nghiệp.

Công ty đã tiến hành tái cấu trúc các phòng ban chuyên môn để nâng cao hiệu quả công việc, tối ưu hóa nguồn lực và đáp ứng các yêu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn mới. Cụ thể, VISSAN đã rà soát, ban hành các quyết định thay đổi, điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ cũng như cơ cấu tổ chức đối với các đơn vị trực thuộc. Việc bố nhiệm, điều động cán bộ nhân viên được thực hiện thường xuyên và kịp thời để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Sử dụng phần mềm HRonline trong quản trị nhân sự:

Công ty VISSAN tiếp tục áp dụng phần mềm quản lý nhân sự HRonline để giảm thiểu chi phí mà vẫn đảm bảo hiệu quả công tác quản trị nhân sự. Việc ứng dụng HRonline giúp công ty quản lý nhân sự một cách hiệu quả hơn, giảm thiểu công tác thủ công và tăng tính chính xác trong công việc tính lương thưởng và chấm công các đơn vị.

Hiệu quả thực hiện công tác quản trị nhân sự:

Công tác quản trị nhân sự tại VISSAN đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các chương trình đào tạo đã giúp nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên. Các chính sách đãi ngộ và khen thưởng hợp lý đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho người lao động, đồng thời thu hút được nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài. Công ty cũng đạt được sự ổn định trong nguồn nhân lực và sự gắn bó lâu dài giữa nhân viên và công ty.

Công tác tái cấu trúc bộ máy nhân sự đã giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, giúp công ty đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Việc sử dụng phần mềm HRonline đã góp phần giảm chi phí và tối ưu hóa quy trình quản lý nhân sự, giúp công ty đánh giá hiệu quả công việc rõ ràng hơn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, cụ thể:

- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo, bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc báo cáo tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty. Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT hội ý cùng Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng về công tác quản trị, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để nắm bắt, theo sát các mặt hoạt động của Công ty nhằm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2025, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Công ty đã bám sát chiến lược phát triển trung và dài hạn, đồng thời triển khai các giải pháp linh hoạt nhằm duy trì ổn định hoạt động, thích ứng với điều kiện thị trường và nâng cao hiệu quả vận hành. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục quan tâm cải thiện môi trường làm việc, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

- Công ty đã triển khai kế hoạch năm 2025 với tinh thần chủ động và linh hoạt trong điều hành, kịp thời điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường, qua đó duy trì ổn định hoạt động chung;
- Công ty tiếp tục tập trung hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng phát triển bền vững thông qua việc rà soát mô hình kinh doanh, kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và năng suất lao động.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Khai thác tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh tái cấu trúc bộ máy nhân sự, áp dụng khoa học công nghệ trong quản trị, điều hành, nâng cao năng suất lao động.
- Xây dựng Công ty trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu, có uy tín, năng lực cạnh tranh mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thực phẩm tươi sống và thực phẩm chế biến tại Việt Nam, mở rộng thị trường xuất khẩu và phát triển bền vững.
- Tập trung thực hiện tốt các Chiến lược về phát triển nguồn nguyên liệu; Chiến lược phát triển hàng xuất khẩu; Chiến lược chuyển đổi số, sản xuất xanh, kinh tế tuần hoàn và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án trọng điểm, dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|---|-----|
| Hoạt động của Hội đồng Quản trị | 90 |
| Hoạt động của Ban Kiểm soát | 98 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát | 101 |



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng sở hữu (Cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%/VĐL) |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------------------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trương Hồng Phong | Chủ tịch HĐQT | CN: 0 ĐD: 16.804.481 | CN: 0 ĐD: 20,77 |
| 2 | Ông Lê Minh Tuấn | TGĐ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT | CN: 8.600 ĐD: 12.944.816 | CN: 0 ĐD: 16,00 |
| 3 | Ông Nguyễn Quốc Trung | Phó Chủ tịch HĐQT | CN: 0 ĐD: 0 | CN: 0 ĐD: 0 |
| 4 | Ông Trương Hải Hưng | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | CN: 4.200 ĐD: 8.090.510 | CN: 0,0052 ĐD: 10,00 |
| 5 | Ông Phan Văn Phúc | Thành viên HĐQT | CN: 0 ĐD: 8.090.510 | CN: 0 ĐD: 10,00 |

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, kịp thời đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh. Hội đồng quản trị cũng đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|---------------|------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Phúc Khoa | 6/6 | 100% | Hết nhiệm kỳ từ ngày 24/04/2025 |
| 2 | Ông Nguyễn Ngọc An | 6/6 | 100% | Hết nhiệm kỳ từ ngày 24/04/2025 |
| 3 | Ông Trương Hồng Phong | 28/28 | 100% | |
| 4 | Ông Lê Minh Tuấn | 27/28 | 96% | Đi công tác |
| 5 | Ông Nguyễn Quốc Trung | 28/28 | 100% | |
| 6 | Ông Trương Hải Hưng | 22/22 | 100% | Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025 |
| 7 | Ông Phan Văn Phúc | 22/22 | 100% | Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025 |

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 28 phiên họp, trong đó có 5 cuộc họp trực tiếp và 23 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC BAN HÀNH TƯƠNG ỨNG NHƯ SAU

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|--------------------|--------------------|------------|---|-----------------------|
| I. Nghị quyết HĐQT | | | | |
| 1 | 12/NQHĐQT-VISSAN | 08/01/2025 | Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2025. | 100% |
| 2 | 554/NQHĐQT-VISSAN | 10/01/2025 | Chấp thuận cho Ban Điều hành Công ty VISSAN thỏa thuận với Công ty Itaco để nhận bàn giao phần đất trống theo thực tế hiện nay với điều kiện như sau: (1) Đất trống và không có tranh chấp; (2) Itaco phải đảm bảo đầy đủ điều kiện để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo hình thức thuê đất trả tiền thuê một lần cho Công ty VISSAN đối với phần diện tích đất trống nhận theo thực tế và xác định cụ thể thời gian hoàn thành thủ tục cấp GCNQSDĐ cho Công ty VISSAN; (3) Itaco phải đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu đất. Công ty VISSAN chỉ nộp phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kể từ ngày nhận bàn giao đất và cơ sở hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu đất được hoàn thiện. | 100% |
| 3 | 564/NQHĐQT-VISSAN | 07/02/2025 | Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động | 100% |
| 4 | 969/NQHĐQT-VISSAN | 28/02/2025 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 | 100% |
| 5 | 1096/NQHĐQT-VISSAN | 05/03/2025 | Phê duyệt chủ trương đăng ký tham gia chương trình bình ổn thị trường năm 2025 -2026. | 100% |

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------|------------|---|-----------------------|
| 6 | 1854/NQHĐQT-VISSAN | 23/04/2025 | Để có cơ sở trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, HĐQT thông qua các nội dung sau: (1) Thông qua kết quả số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; (2) Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD giai đoạn 2020 - 2024; Phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2025 – 2029; (3) Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận, tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025; (4) Thông qua quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch năm 2025; (5) Thống nhất với đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025; (6) Thông qua việc điều chỉnh dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN” để lập hồ sơ đề xuất đầu tư trình Sở Tài chính tỉnh Long An thẩm định; (7) Thông qua các nội dung liên quan đến công tác nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 -2029; (8) Thông qua văn kiện, tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. | 100% |
| 7 | 1936/NQHĐQT-VISSAN | 24/04/2025 | - Bầu Ông Trương Hồng Phong giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029; - Bầu Ông Lê Minh Tuấn và Ông Nguyễn Quốc Trung giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029. | 100% |
| 8 | 2434/NQHĐQT-VISSAN | 29/05/2025 | Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. | 100% |
| 9 | 2507/NQHĐQT-VISSAN | 05/06/2025 | Kiện toàn Ban chỉ đạo dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN” | 100% |
| 10 | 3761/NQHĐQT-VISSAN | 26/07/2025 | Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao, lao động bình quân thực hiện năm 2025. | 100% |

NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC BAN HÀNH TƯƠNG ỨNG NHƯ SAU

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|----------------------|------------|--|-----------------|
| 11 | 3418/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 10/07/2025 | Đề nghị Ban Điều hành xây dựng và đẩy mạnh triển khai nhiều giải pháp trong công tác điều hành, sắp xếp nhân sự nhằm tăng năng suất lao động và đề ra các giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm ngăn chặn sự sụt giảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận; thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phấn đấu nỗ lực tối đa trong những tháng cuối năm. | 100% |
| 12 | 3206/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 16/07/2025 | Thông qua kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý Công ty năm 2024. | 100% |
| 13 | 3210/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 17/07/2025 | Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền. | 100% |
| 14 | 3421/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 25/07/2025 | Điều chỉnh chức danh của các thành viên trong Ban chỉ đạo dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN. | 100% |
| 15 | 3494/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 01/08/2025 | Chấp thuận ngưng thực hiện 13 dự án đã được phê duyệt theo kế hoạch đầu tư các năm trước. | 100% |
| 16 | 3495/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 01/08/2025 | Phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm 2025. | 100% |
| 17 | 3947/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 22/08/2025 | Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu còn lại trong giai đoạn chuẩn bị dự án thuộc Dự án: “Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp Chăn nuôi VISSAN Bình Dương” | 100% |
| 18 | 3949/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 22/08/2025 | Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Công ty | 100% |
| 19 | 3951/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 22/08/2025 | Phê duyệt thay đổi nhân sự Ban Công bố thông tin | 100% |
| 20 | 3952/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 22/08/2025 | Miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty | 100% |

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|----------------------|------------|---|-----------------|
| 21 | 4076/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 03/09/2025 | Thông qua việc hợp nhất 02 Phòng Kinh doanh, hợp nhất 02 Xưởng | 100% |
| 22 | 4131/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 09/09/2025 | Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty | 100% |
| 23 | 4165/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 11/09/2025 | Về việc sửa đổi nội dung chủ yếu của giao dịch tại Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 của Hội đồng quản trị | 100% |
| 24 | 4756/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 17/10/2025 | Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng bán hàng hóa với người có liên quan: Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH một thành viên - Trung tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | 100% |
| 25 | 5227/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 11/11/2025 | Phê duyệt bổ sung dự án “Hệ thống cấp xúc xích tự động cho máy đóng gói xúc xích Family” | 100% |
| 26 | 5858/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 16/12/2025 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thuộc dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm VISSAN” | 100% |
| 27 | 5951/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 22/12/2025 | Thông qua việc giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện và quyết định các công việc trong giai đoạn chuẩn bị dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN” | 80% |
| 28 | 6118/NQ-HĐQT-VIS-SAN | 30/12/2025 | Chấp thuận chủ trương cho Công ty ký hợp đồng, giao dịch với người có liên quan trong năm 2026 | 100% |

NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC BAN HÀNH TƯƠNG ỨNG NHƯ SAU

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----------------------|---------------------|------------|--|-----------------|
| II. Quyết định HĐQT: | | | | |
| 1 | 565/QĐHĐQT-VISSAN | 07/02/2025 | Ban hành Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động | 100% |
| 2 | 1088/QĐHĐQT-VISSAN | 28/02/2025 | Thành lập Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 | 100% |
| 3 | 2033/QĐHĐQT-VISSAN | 24/04/2025 | Bầu Ông Trương Hồng Phong giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029 | 100% |
| 4 | 2034/QĐHĐQT-VISSAN | 24/04/2025 | Bầu Ông Lê Minh Tuấn giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029 | 100% |
| 5 | 2035/QĐHĐQT-VISSAN | 24/04/2025 | Bầu Ông Nguyễn Quốc Trung giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029 | 100% |
| 6 | 3948/NQ-HĐQT-VISSAN | 22/08/2025 | Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu còn lại trong giai đoạn chuẩn bị dự án thuộc Dự án: “Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp Chăn nuôi VISSAN Bình Dương” | 100% |
| 7 | 3950/NQ-HĐQT-VISSAN | 22/08/2025 | Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty | 100% |
| 8 | 5859/NQ-HĐQT-VISSAN | 16/12/2025 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thuộc dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm VISSAN” | 100% |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có.

Danh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị và điều hành. Trong kỳ, Trưởng Ban kiểm soát đã hoàn thành khóa học về quản trị công ty do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức và được cấp giấy chứng nhận; các nhân sự lãnh đạo còn lại đang sắp xếp tham gia các khóa đào tạo phù hợp trong thời gian tới.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------------|----------------|-------------------------|-------------------|
| 1 | Ông Trương Việt Tiến | Trưởng BKS | CN: 0 ĐD: 4.854.306 | CN: 0 ĐD: 6,00 |
| 2 | Bà Trịnh Thị Vân Anh | Thành viên BKS | CN: 0 ĐD: 4.045.255 | CN: 0 ĐD: 5,00 |
| 3 | Bà Đỗ Thị Thu Nga | Thành viên BKS | CN: 0 ĐD: 0 | CN: 0 ĐD: 0 |



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2025, qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị Công ty của Hội đồng quản trị.
- Các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành bảo đảm tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra để ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch, nội dung công việc đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực.
- Định kỳ tổ chức giao ban toàn Công ty và họp với phụ trách từng đơn vị để rà soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

- Đối với cổ đông, Ban kiểm soát thực hiện đúng theo nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đã đưa ra các ý kiến đối với chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát đã chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Ban Kiểm soát cũng đồng thời nhận được các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trương Việt Tiến | 4/4 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà Trịnh Thị Vân Anh | 4/4 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Đỗ Thị Thu Nga | 4/4 | 100% | 100% | |

Nội dung các cuộc họp của BKS

| STT | Nội dung | Ngày họp | Nội dung chi tiết | Kết quả |
|-----|------------|------------|---|---------|
| 1 | Cuộc họp 1 | 31/3/2025 | Các nội dung báo cáo, tờ trình trình Đại hội cổ đông thường niên. | 100% |
| 2 | Cuộc họp 2 | 11/6/2025 | Thẩm tra BCTC và nhận xét về tình hình hoạt động quý I | 100% |
| 3 | Cuộc họp 3 | 19/9/2025 | Thẩm tra BCTC và nhận xét về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm | 100% |
| 4 | Cuộc họp 4 | 11/12/2025 | Thẩm tra BCTC và nhận xét về tình hình hoạt động quý III | 100% |

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| STT | Họ và tên | Chức danh | Lương | Thưởng | Thù lao | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-------------|------------|------------|---|
| 1 | Ông Nguyễn Phúc Khoa | Chủ tịch HĐQT | 140.781.920 | 54.165.500 | - | CT HĐQT Chuyên trách đến 23/4/2025 |
| 2 | Ông Nguyễn Ngọc An | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc | - | 74.477.500 | - | TGD đến 30/11/2024 |
| 3 | Ông Trương Hải Hưng | TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 446.040.000 | 54.165.500 | 48.558.320 | TV HĐQT từ 24/4/2025 |
| 4 | Ông Phan Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | 446.040.000 | 54.165.250 | - | |
| 5 | Ông Lê Minh Tuấn | TGD kiêm Phó Chủ tịch HĐQT | 490.644.000 | 81.248.200 | 70.716.000 | PCT HĐQT từ 24/4/2025, TV HĐQT đến 23/4/2025 |
| 6 | Bà Đỗ Thị Thu Thủy | Kế toán trưởng | 401.436.000 | 54.165.500 | - | |
| 7 | Ông Trương Việt Tiến | Trưởng BKS | 374.244.000 | 54.165.500 | - | |
| 8 | Ông Phan Văn Phúc | Thành viên HĐQT | - | - | 48.558.320 | |
| 9 | Ông Trương Hồng Phong | Chủ tịch HĐQT | 308.522.080 | 27.082.700 | 22.157.680 | Chủ tịch HĐQT từ 24/4/2025, TV HĐQT đến 23/4/2025 |
| 10 | Ông Nguyễn Quốc Trung | Phó Chủ tịch HĐQT | - | 27.082.700 | 70.716.000 | |
| 11 | Bà Đỗ Thị Thu Nga | Thành viên BKS | - | 27.082.700 | 54.396.000 | |
| 12 | Bà Trịnh Thị Vân Anh | Thành viên BKS | - | 18.055.200 | 54.396.000 | |

Lưu ý: Đối với các khoản thù lao, thưởng của ông Nguyễn Quốc Trung và bà Đỗ Thị Thu Nga đề nghị không nhận sẽ được Công ty xử lý theo đúng quy định.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ Không có.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông lớn, người nội bộ, và người có liên quan đến người nội bộ

| STT | Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|-----|--|---|--|
| 1 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (Satra) | Tổ chức sở hữu 67,77% cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết | 0300100037, cấp ngày 27/11/2010 tại TP. HCM |
| 2 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (Satra) | Tổ chức sở hữu 67,77% cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết | 0300100037, cấp ngày 27/11/2010 tại TP.HCM |
| 3 | Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP. HCM |
| 4 | Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP. HCM |
| 5 | Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP. HCM |
| 6 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH một thành viên - Kho lạnh Satra | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-024, cấp ngày: 14/03/2013 tại TP.HCM |
| 7 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH một thành viên - Kho lạnh Satra | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-024, cấp ngày: 14/03/2013 tại TP. HCM |
| 8 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm Điều hành cửa hàng tiện lợi (Satrafoods) | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-025, cấp ngày 16/4/2013 tại TP.HCM |
| 9 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm Điều hành cửa hàng tiện lợi (Satrafoods) | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-025, cấp ngày 16/4/2013 tại TP. HCM |

| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|---|---------------------------------|--|---|
| 275B Phạm Ngũ Lão, Q.1,TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Mua nguyên liệu: 125.695.173.409 đồng -Bán hàng: 319.203.898 đồng |
| 275B Phạm Ngũ Lão, Q.1,TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Mua nguyên liệu: 182.725.331.595 đồng -Bán hàng: 165.024.268 đồng |
| Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 838/NQHĐQT-VISSAN ngày 14/03/2022 | -Sử dụng dịch vụ: 161.140.804 đồng |
| Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Bán hàng: 123.797.375 đồng |
| Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Bán hàng: 233.637.650 đồng |
| Lô 3, Khu thương mại Bình Điền, đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, P.7, Q.8, TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Mua hàng và sử dụng dịch vụ: 2.191.446.001 đồng |
| Lô 3, Khu thương mại Bình Điền, đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, P. 7, Q.8, TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Mua hàng và sử dụng dịch vụ: 8.608.592.108 đồng |
| 455 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | - Sử dụng dịch vụ: 154.500.040 đồng - Bán hàng (90.844.115) đồng |
| 455 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | - Sử dụng dịch vụ: 326.830.479 đồng - Bán hàng 65.293.949.010 đồng |

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông lớn, người nội bộ, và người có liên quan đến người nội bộ

| STT | Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|-----|---|--|--|
| 10 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Siêu thị Satra, đường Phạm Hùng | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-020, cấp ngày 22/11/2011 tại TP. HCM |
| 11 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Siêu thị Satra, đường Phạm Hùng | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-020, cấp ngày 22/11/2011 tại TP. HCM |
| 12 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-004, cấp ngày 05/12/2006 tại TP. HCM |
| 13 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-004, cấp ngày 05/12/2006 tại TP. HCM |
| 14 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-023, cấp ngày: 09/10/2012 tại TP. HCM |
| 15 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-023, cấp ngày: 09/10/2012 tại TP. HCM |
| 16 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên – Thương xá Tax | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-003, cấp ngày: 05/12/2006 tại TP.HCM |
| 17 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên – Thương xá Tax | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-003, cấp ngày: 05/12/2006 tại TP. HCM |
| 18 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm thương mại Satra Củ Chi | Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra | 0300100037-027, cấp ngày 31/07/2018 tại TP.HCM |

| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|---|---------------------------------|--|--|
| C6/27 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Sử dụng dịch vụ: 27.991.995 đồng -Bán hàng: (2.446.411) đồng |
| C6/27 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | - Sử dụng dịch vụ: 20.537.468 đồng -Bán hàng: 4.452.420.122 đồng |
| 460 đường Ba Tháng Hai, phường 12, quận 10, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Sử dụng dịch vụ: 19.001.816 đồng -Bán hàng: (7.802.559) đồng |
| 460 đường Ba Tháng Hai, phường 12, quận 10, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Mua hàng và sử dụng dịch vụ: 77.834.361 đồng -Bán hàng: 2.729.017.056 đồng |
| 204 – 206 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Bán hàng: (14.592.503) đồng |
| 204 – 206 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | - Mua hàng: 1.929.460.447 đồng |
| 38 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Sử dụng dịch vụ: 1.035.250 đồng -Bán hàng: (429.052) đồng |
| 38 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Sử dụng dịch vụ: 378.508 -Bán hàng: 13.763.904 đồng |
| 1239 Tỉnh Lộ 8, ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | - Sử dụng dịch vụ 16.195.511 đồng -Bán hàng: (8.361.198) đồng |

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông lớn, người nội bộ, và người có liên quan đến người nội bộ

| STT | Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|-----|--|--|--|
| 19 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm thương mại Satra Củ Chi | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-027, cấp ngày 31/07/2018 tại TP.HCM |
| 20 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên – Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-026 cấp ngày 26/12/2016 tại Cần Thơ |
| 21 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên – Trung tâm dịch vụ Satra | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-019 cấp ngày 05/12/2006 tại TP.HCM |
| 22 | Chi nhánh Tổng công ty thương mại Sài Gòn - Trung Tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-028, cấp ngày 20/12/2024 tại TP HCM |
| 23 | Chi nhánh Tổng công ty thương mại Sài Gòn - Trung Tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | Tổ chức chịu sự kiểm soát của Satra | 0300100037-028, cấp ngày 20/12/2024 tại TP HCM |
| 24 | Công ty phát triển kinh tế Duyên Hải (COFIDEC) | Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra | 0300100037-021, cấp ngày 16/01/2012 tại TP HCM |
| 25 | Công ty phát triển kinh tế Duyên Hải (COFIDEC) | Tổ chức chịu sự chi phối của cổ đông Satra | 0300100037-021, cấp ngày 16/01/2012 tại TP HCM |

Hợp đồng, giao dịch với đối tượng khác

| STT | Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|-----|-----------------------------|---|--|
| 1 | Công ty cổ phần Masan Jinju | Ông Nguyễn Quốc Trung – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đang là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần Masan Jinju | 3700645538 cấp ngày 07/01/2005 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương |
| 2 | Công ty cổ phần Masan Jinju | Ông Nguyễn Quốc Trung – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đang là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần Masan Jinju | 3700645538 cấp ngày 07/01/2005 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương |

| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|---|---------------------------------|---|--|
| 1239 Tỉnh Lộ 8, ấp Thanh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, TP. HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/ NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | - Sử dụng dịch vụ 25.477.518 đồng -Bán hàng: 2.893.686.381 đồng |
| 90B/3, đường 3 tháng 2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/ NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | - Sử dụng dịch vụ: (94.137) đồng -Bán hàng: (1.923.960) đồng |
| 275B Phạm Ngũ Lão (lầu 9), quận 1, TP.HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/ NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | - Sử dụng dịch vụ: 434.843.066 đồng |
| 1466 Võ Văn Kiệt, P.3, Q.6, TP HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/ NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Sử dụng dịch vụ: 2.013.055 đồng -Bán hàng: (366.010) đồng |
| 1466 Võ Văn Kiệt, P.3, Q.6, TP HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/ NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Sử dụng dịch vụ: 11.596.087 đồng -Bán hàng: 1.487.785.918 đồng |
| Lô C34/I, đường 2G, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 6238/ NQHĐQT-VISSAN ngày 28/12/2023 | -Bán hàng: 43.372.540 đồng |
| Lô C34/I, đường 2G, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP HCM | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/ NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Bán hàng: 170.525.661 đồng |

| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|--|---------------------------------|---|--|
| Nhà xưởng F5, Lô 6, KCN Tân Đông Hiệp A, P. Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Bình Dương | Năm 2025 | Nghị quyết số 2485/ NQHĐQT-VISSAN ngày 16/05/2024 | -Bán hàng: 30.593.800 đồng |
| Nhà xưởng F5, Lô 6, KCN Tân Đông Hiệp A, P. Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Bình Dương | Năm 2025 | Nghị quyết số 12/ NQHĐQT-VISSAN ngày 08/01/2025 | -Bán hàng: 122.375.200 đồng |

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

“

VISSAN cam kết xây dựng hệ thống quản trị công ty theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản trị hiệu quả sẽ giúp Công ty phát triển bền vững, giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

THỰC HIỆN ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

- Đối với hoạt động đầu tư và SXKD: công tác đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Luật Doanh nghiệp, cũng như Điều lệ Công ty.
- Đối với hoạt động báo cáo, công bố thông tin: VISSAN tuân thủ các quy định liên quan đối với các công ty đại chúng. Các thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ trên website Công ty.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ được thực hiện chặt chẽ, cần trọng dựa trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

ĐẢM BẢO CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

- Tính hiệu quả của bộ máy quản trị tại VISSAN được bảo đảm bởi những thành viên HĐQT dày dặn kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn vững chắc.
- HĐQT của VISSAN có 03 Thành viên HĐQT không điều hành, tương đương 60% thành viên là thành viên không điều hành.

ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

- Quy chế trả lương, trả thưởng đối với người lao động đảm bảo quyền lợi cho người lao động và đáp ứng đúng các quy định pháp luật hiện hành
- Trách nhiệm với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty như cổ đông, người lao động, cộng đồng, xã hội luôn được Công ty coi trọng.

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị tài chính - kế toán:

- Công ty thực hiện việc ghi chép, báo cáo sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó công ty cũng chú trọng việc quản lý tài chính thông qua các hoạt động: phân tích kết quả hoạt động định kỳ, lập và theo dõi ngân sách hàng năm, thẩm định hiệu quả các dự án đầu tư, cân đối nguồn vốn hoạt động, lập các kế hoạch tài chính trung và dài hạn...
- Công ty sử dụng phần mềm Fast và AX trong công tác kế toán. Việc áp dụng phần mềm giúp công ty có được nguồn dữ liệu hữu ích cho việc phân tích, đánh giá hiệu quả chi tiết các mặt hàng, các khoản chi phí... Bên cạnh đó nhờ việc sử dụng phần mềm kế toán nên mặc dù có nhiều đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, nhưng công ty luôn lập và công bố báo cáo tài chính tổng hợp theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Trong tương lai, công ty sẽ tiến đến áp dụng hệ thống phần mềm ERP nhằm quản trị toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh từ đầu vào cho đến đầu ra.

Quản trị nhân sự:

- Công ty đang triển khai phần mềm quản trị nhân sự HRONLINE và áp dụng chính thức từ ngày 01/01/2024. HRONLINE gồm các phân hệ về quản lý nhân sự, quản lý công và tính lương kết hợp với các công nghệ tiên tiến mới như: tự nhận dạng công, GPS, Mobile Apps, v.v... mang đến tính tiện dụng và độ chính xác cao trong việc quản trị nhân sự tại Công ty.

Đảm bảo hoạt động hiệu quả của HĐQT:

- HĐQT đánh giá hoạt động hàng năm của mình dựa trên các thông lệ tốt nhất và đặc biệt là mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ phê duyệt. Mức chi trả thù lao của các thành viên được căn cứ một cách khách quan, khoa học, minh bạch dựa trên năng lực, hiệu quả đóng góp vào công việc chung.

Tăng cường hoạt động CBTT và Quan hệ nhà đầu tư:

- Hệ thống các văn bản lập quy trong lĩnh vực CBTT luôn được Công ty chú trọng, chẳng hạn như Quy chế nội bộ về QTCT, Điều lệ, Quy chế CBTT của Công ty.
- HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin công bố được đăng tải bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên website công ty một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán

112



Số: 200/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần, theo Báo cáo kiểm toán độc lập số HCM16232 ngày 13/03/2025.



Bùi Minh Đức
Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Trần Thanh Tùng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.462.613.936.887 | 1.720.654.095.187 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 379.367.896.793 | 869.310.775.392 |
| Tiền | 111 | | 43.767.896.793 | 65.835.269.913 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 335.600.000.000 | 803.475.505.479 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 461.900.000.000 | 298.100.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5 | 461.900.000.000 | 298.100.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 155.869.208.970 | 142.400.358.299 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 131.002.292.237 | 130.972.862.795 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 14.126.342.951 | 2.234.243.227 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7.a | 13.067.863.079 | 11.095.845.432 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (2.327.289.297) | (1.902.593.155) |
| Hàng tồn kho | 140 | 8 | 457.926.674.242 | 404.057.263.245 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 459.140.859.396 | 405.611.364.373 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.214.185.154) | (1.554.101.128) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.550.156.882 | 6.785.698.251 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12.a | 5.837.760.231 | 4.945.915.624 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 111.447.513 | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 14.a | 1.600.949.138 | 1.839.782.627 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 385.853.390.108 | 385.351.042.153 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5.025.750.000 | 5.233.750.000 |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 4.645.075.000 | 4.663.075.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 7.b | 380.675.000 | 570.675.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 342.837.052.493 | 338.728.138.484 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 142.082.974.644 | 129.507.261.673 |
| - Nguyên giá | 222 | | 559.459.824.734 | 526.832.533.120 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (417.376.850.090) | (397.325.271.447) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 200.754.077.849 | 209.220.876.811 |
| - Nguyên giá | 228 | | 303.211.468.934 | 303.211.468.934 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (102.457.391.085) | (93.990.592.123) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 15.054.212.963 | 14.875.194.878 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 11 | 15.054.212.963 | 14.875.194.878 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 22.936.374.652 | 26.513.958.791 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12.b | 10.803.647.919 | 12.151.561.546 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 12.132.726.733 | 14.362.397.245 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 1.848.467.326.995 | 2.106.005.137.340 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 571.577.013.725 | 811.055.382.315 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 567.348.662.985 | 785.180.151.479 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 289.253.667.618 | 352.581.348.426 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 24.264.249.028 | 18.332.176.318 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 14.b | 11.114.231.725 | 18.248.154.380 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 25.941.584.182 | 36.206.174.129 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 15 | 44.186.680.677 | 37.981.517.731 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 21.935.598.299 | 21.058.296.012 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 17.a | 119.567.771.585 | 244.585.565.739 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 18.a | 893.699.750 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 30.191.180.121 | 56.186.918.744 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 4.228.350.740 | 25.875.230.836 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 17.b | 4.228.350.740 | 5.830.842.336 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 18.b | - | 20.044.388.500 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.276.890.313.270 | 1.294.949.755.025 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 1.276.890.313.270 | 1.294.949.755.025 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 809.051.000.000 | 809.051.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 809.051.000.000 | 809.051.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (101.200.000) | (101.200.000) |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (22.200.000) | (22.200.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 210.077.652.617 | 199.527.438.130 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 257.885.060.653 | 286.494.716.895 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến năm trước | 421a | | 175.828.626.322 | 175.439.827.554 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 82.056.434.331 | 111.054.889.341 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.848.467.326.995 | 2.106.005.137.340 |

Người lập biểu

Huỳnh Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

Lê Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 2.949.595.214.416 | 3.154.806.991.400 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 22 | 28.030.883.740 | 17.542.569.164 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 23 | 2.921.564.330.676 | 3.137.264.422.236 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 2.256.506.410.534 | 2.390.739.937.544 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 665.057.920.142 | 746.524.484.692 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 47.495.129.216 | 40.658.814.846 |
| Chi phí tài chính | 22 | 26 | 19.238.361.570 | 18.673.232.705 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 9.154.747.381 | 7.600.680.722 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 27 | 438.155.721.301 | 489.200.614.066 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 152.937.955.985 | 139.439.249.210 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 102.221.010.502 | 139.870.203.557 |
| Thu nhập khác | 31 | 29 | 3.248.423.238 | 3.635.054.969 |
| Chi phí khác | 32 | 30 | 392.692.624 | 1.965.911.456 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 2.855.730.614 | 1.669.143.513 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 105.076.741.116 | 141.539.347.070 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 20.790.636.273 | 24.078.886.994 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 2.229.670.512 | 6.405.570.735 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 82.056.434.331 | 111.054.889.341 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 359 | 635 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 34 | 359 | 635 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Phương Thảo

Đỗ Thị Thu Thủy

Lê Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 1 | | 3.019.570.577.943 | 3.228.507.219.430 |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 2 | | (2.523.820.159.028) | (2.213.407.667.544) |
| Tiền chi trả cho người lao động | 3 | | (383.110.105.618) | (425.475.570.939) |
| Tiền lãi vay đã trả | 4 | | (9.238.655.851) | (7.754.456.613) |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 5 | | (22.674.563.848) | (26.013.230.152) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 6 | | 10.379.048.605 | 14.154.522.556 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 7 | | (258.715.495.426) | (368.682.551.431) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (167.609.353.223) | 201.328.265.307 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (37.934.729.519) | (8.307.995.998) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 536.038.325 | 887.340.364 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (874.216.547.945) | (772.900.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 710.416.547.945 | 739.100.000.000 |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 45.937.072.677 | 42.656.534.164 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (155.261.618.517) | 1.435.878.530 |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 1.020.864.421.246 | 1.063.556.062.026 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (1.147.484.706.996) | (1.108.224.276.745) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (40.454.055.000) | (48.538.205.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (167.074.340.750) | (93.206.419.719) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (489.945.312.490) | 109.557.724.118 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4 | 869.310.775.392 | 759.659.077.465 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 2.433.891 | 93.973.809 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 379.367.896.793 | 869.310.775.392 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Phương Thảo

Đỗ Thị Thu Thủy

Lê Minh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào ngày 20 tháng 11 năm 1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18 tháng 5 năm 1974.

Ngày 01 tháng 07 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 44, ngày 25 tháng 08 năm 2025, do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 809.051.000.000 Đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 với mã giao dịch là VSN theo Quyết định số 630/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 3.398 người (tại ngày 31/12/2024 là 3.707 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 Trụ sở chính và 7 chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh 1: Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan;
- Chi nhánh 2: Chi nhánh Vissan Hà Nội;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

- Chi nhánh 3: Nhà máy thực phẩm Vissan Bắc Ninh;
- Chi nhánh 4: Chi nhánh Vissan Đà Nẵng;
- Chi nhánh 5: Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương;
- Chi nhánh 6: Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận;
- Chi nhánh 7: Trung tâm kinh doanh cửa hàng Vissan;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty là Báo cáo tổng hợp của Văn phòng Công ty và các chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu nội bộ, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (TIẾP)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

3.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định là giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán và theo dõi hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng hàng tồn kho được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.6 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

| Loại tài sản | Thời gian sử dụng (năm) |
|-----------------------------|-------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 30 |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |
| - Súc vật cho sản phẩm | 04 |
| - Phần mềm vi tính | 03 - 06 |

Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.9 THUÊ TÀI SẢN

Thuê hoạt động là loại hình thuê Tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo tính chất sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 VAY

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

3.14 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu..

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

3.16 CỔ PHIẾU QUỸ

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN THUẦN

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ sau:

- Quỹ đầu tư phát triển:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty, do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán và được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

3.21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.23 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tuân thủ theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.23 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

3.24 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.25 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Tiền mặt | 1.979.421.700 | 2.831.027.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 41.758.983.692 | 62.922.323.497 |
| - Tiền đang chuyển | 29.491.401 | 81.919.416 |
| - Các khoản tương đương tiền (i) | 335.600.000.000 | 803.475.505.479 |
| Cộng | 379.367.896.793 | 869.310.775.392 |

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến 03 tháng với lãi suất được hưởng là 4,75%/năm (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 4,0%/năm đến 4,75%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | | |
| Ngắn hạn | 461.900.000.000 | 461.900.000.000 | 298.100.000.000 | 298.100.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 461.900.000.000 | 461.900.000.000 | 298.100.000.000 | 298.100.000.000 |
| Cộng | 461.900.000.000 | 461.900.000.000 | 298.100.000.000 | 298.100.000.000 |

(i) Số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 4,6%/năm đến 7,7%/năm (ngày 01 tháng 01 năm 2025: từ 5,5%/năm đến 5,6%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ngắn hạn | 131.002.292.237 | (2.327.289.297) | 130.972.862.795 | (1.902.593.155) |
| - Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh | 28.318.656.814 | - | 32.137.121.167 | - |
| - Công ty TNHH dịch vụ EB | 15.399.936.085 | - | 9.994.348.833 | - |
| - Công ty CP dịch vụ thương mại tổng hợp Wincommerce | 17.786.061.516 | - | 14.327.090.864 | - |
| - Các khách hàng khác (i) | 69.497.637.822 | (2.327.289.297) | 74.514.301.931 | (1.902.593.155) |
| Cộng | 131.002.292.237 | (2.327.289.297) | 130.972.862.795 | (1.902.593.155) |
| (i) Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 37) | 6.257.089.547 | - | 12.501.607.187 | - |

T.C.P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải và dẫn truyền VND | Thiết bị và dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|--|------------------------------------|-------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| 01/01/2025 | 125.858.793.481 | 288.323.302.709 | 77.382.994.102 | 35.267.442.828 | 526.832.533.120 |
| - Mua trong năm | 3.361.473.673 | 29.673.213.307 | 1.182.730.800 | 1.809.448.333 | 36.026.866.113 |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành | 3.254.567.173 | - | - | - | 3.254.567.173 |
| - Tăng khác | 9.000.000 | - | - | - | 9.000.000 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.927.175.221) | (4.127.285.477) | (608.680.974) | (6.663.141.672) |
| 31/12/2025 | 132.483.834.327 | 316.069.340.795 | 74.438.439.425 | 36.468.210.187 | 559.459.824.734 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| 01/01/2025 | 64.068.983.343 | 239.946.623.084 | 61.444.150.898 | 31.865.514.122 | 397.325.271.447 |
| - Khấu hao trong năm | 6.585.456.187 | 15.193.568.397 | 3.394.117.676 | 1.541.578.055 | 26.714.720.315 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.927.175.221) | (4.127.285.477) | (608.680.974) | (6.663.141.672) |
| 31/12/2025 | 70.654.439.530 | 253.213.016.260 | 60.710.983.097 | 32.798.411.203 | 417.376.850.090 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| 01/01/2025 | 61.789.810.138 | 48.376.679.625 | 15.938.843.204 | 3.401.928.706 | 129.507.261.673 |
| 31/12/2025 | 61.829.394.797 | 62.856.324.535 | 13.727.456.328 | 3.669.798.984 | 142.082.974.644 |
| <p>- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có giá trị là 261.735 triệu đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 237.957 triệu đồng).</p> <p>- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng với tổng giá trị còn lại là 8.307 triệu đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 20.855 triệu đồng).</p> | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| a. Ngắn hạn | 13.067.863.079 | - | 11.095.845.432 | - |
| - Tạm ứng | 307.777.285 | - | 201.500.000 | - |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.638.442.805 | - | 916.675.305 | - |
| - Lãi dự thu tiền gửi | 7.045.856.726 | - | 5.848.186.988 | - |
| - Phải thu khác (i) | 4.075.786.263 | - | 4.129.483.139 | - |
| b. Dài hạn | 380.675.000 | - | 570.675.000 | - |
| - Ký quỹ, ký cược dài hạn | 380.675.000 | - | 570.675.000 | - |
| Cộng | 13.448.538.079 | - | 11.666.520.432 | - |
| (i) Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 37) | | | | |
| | 1.018.276.863 | - | 1.018.276.863 | - |

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| - Hàng đang đi trên đường | 4.702.436.801 | - | 2.410.947.106 | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 128.361.032.023 | (105.689.669) | 120.372.950.734 | (154.473.025) |
| - Công cụ, dụng cụ | 65.314.791.705 | (1.104.755.019) | 53.743.002.883 | (1.109.335.406) |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 153.938.369 | - | - | - |
| - Thành phẩm | 254.213.972.294 | (3.740.466) | 220.634.169.214 | (290.292.697) |
| - Hàng hóa | 6.162.629.232 | - | 7.777.941.276 | - |
| - Hàng gửi bán | 232.058.972 | - | 672.353.160 | - |
| Cộng | 459.140.859.396 | (1.214.185.154) | 405.611.364.373 | (1.554.101.128) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| 01/01/2025 | 286.990.468.923 | 16.221.000.011 | 303.211.468.934 |
| 31/12/2025 | 286.990.468.923 | 16.221.000.011 | 303.211.468.934 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | |
| 01/01/2025 | 79.726.664.053 | 14.263.928.070 | 93.990.592.123 |
| - Khấu hao trong năm | 7.531.694.004 | 935.104.958 | 8.466.798.962 |
| 31/12/2025 | 87.258.358.057 | 15.199.033.028 | 102.457.391.085 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| 01/01/2025 | 207.263.804.870 | 1.957.071.941 | 209.220.876.811 |
| 31/12/2025 | 199.732.110.866 | 1.021.966.983 | 200.754.077.849 |

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 13.439 triệu đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 13.294 triệu đồng)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 15.054.212.963 | 14.875.194.878 |
| - Dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan | 13.675.342.792 | 13.675.342.792 |
| - Văn phòng điều hành kinh doanh của Vissan và các kho trung chuyển tại khu công nghiệp Tân Tạo | 805.233.808 | 805.233.808 |
| - Xây dựng cơ bản dở dang khác | 573.636.363 | 394.618.278 |
| Cộng | 15.054.212.963 | 14.875.194.878 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 5.837.760.231 | 4.945.915.624 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 2.530.882.222 | 1.644.106.628 |
| - Chi phí thuê hoạt động | 890.623.504 | 897.223.781 |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 2.416.254.505 | 2.404.585.215 |
| b. Dài hạn | 10.803.647.919 | 12.151.561.546 |
| - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 1.665.243.963 | 817.246.336 |
| - Chi phí sửa chữa | 6.451.522.677 | 9.946.088.828 |
| - Chi phí thuê hoạt động | 1.305.099.252 | 1.291.138.101 |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.381.782.027 | 97.088.281 |
| Cộng | 16.641.408.150 | 17.097.477.170 |

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngắn hạn | 289.253.667.618 | 289.253.667.618 | 352.581.348.426 | 352.581.348.426 |
| - Công ty TNHH TM và XNK Nhất Lâm | 38.290.775.171 | 38.290.775.171 | 59.344.250.229 | 59.344.250.229 |
| - Công ty TNHH MTV XNK thực phẩm Hạ Long | 60.245.521.698 | 60.245.521.698 | 59.057.609.524 | 59.057.609.524 |
| - Các đối tượng khác (i) | 190.717.370.749 | 190.717.370.749 | 234.179.488.673 | 234.179.488.673 |
| Cộng | 289.253.667.618 | 289.253.667.618 | 352.581.348.426 | 352.581.348.426 |
| <i>(i) Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 37)</i> | | | | |
| | 14.884.095.878 | 14.884.095.878 | 21.356.165.050 | 21.356.165.050 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 44.186.680.677 | 37.981.517.731 |
| - Chi phí thuê mặt bằng | 29.772.340.083 | 25.065.623.823 |
| + <i>Trung tâm phát triển quỹ đất (i)</i> | 29.072.209.430 | 24.357.797.090 |
| + <i>Khác</i> | 700.130.653 | 707.826.733 |
| - Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng | 9.039.223.864 | 9.829.787.685 |
| - Các chi phí phải trả khác | 5.375.116.730 | 3.086.106.223 |
| Cộng | 44.186.680.677 | 37.981.517.731 |

- (i) Theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019 ("Quyết định"), Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ("UBND TP.HCM") đã thu hồi cơ sở nhà, đất tại địa chỉ 420 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh, do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV quản lý, và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) tiếp nhận, quản lý kể từ ngày của Quyết định này. Đồng thời cũng theo quyết định này, UBND TP.HCM giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tiếp tục tạm ký kết hợp đồng thuê với Công ty tại vị trí nêu trên trong thời gian chờ xây dựng hoàn thành dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan. Các bên đang trong quá trình thực hiện ký kết hợp đồng.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 21.935.598.299 | 21.058.296.012 |
| - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 1.587.552.235 | 1.984.416.097 |
| - Cổ tức phải trả | 47.280.000 | 49.085.000 |
| - Chiết khấu thương mại | 9.864.337.297 | 5.931.626.029 |
| - Phải trả khác (i) | 10.436.428.767 | 13.093.168.886 |
| Cộng | 21.935.598.299 | 21.058.296.012 |

(i) Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 37)

| | | |
|--|---|-------------|
| | - | 408.826.807 |
|--|---|-------------|

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2025 | Số phải nộp/phải thu trong năm | Số đã thực nộp/hoàn trong năm | Phân loại lại | 31/12/2025 |
|--|-----------------------|--------------------------------|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| a. Thuế và các khoản phải thu | | | | | |
| - Thuế thu nhập cá nhân phải thu | 1.578.892.498 | 1.853.194.436 | - | 2.086.670.232 | 1.345.416.702 |
| - Phí, lệ phí và các khoản thu khác | 260.890.129 | - | 1.000.000 | 4.357.693 | 255.532.436 |
| | 1.839.782.627 | 1.853.194.436 | 1.000.000 | 2.091.027.925 | 1.600.949.138 |
| b. Thuế và các khoản phải nộp | | | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 6.698.443.280 | 73.996.665.739 | 78.915.285.379 | - | 1.779.823.640 |
| - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 5.803.112.514 | 5.803.112.514 | - | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | 2.129.956 | 2.129.956 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.218.335.660 | 20.790.636.273 | 22.674.563.848 | - | 9.334.408.085 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 2.266.962.090 | 180.291.858 | 2.086.670.232 | - |
| - Thuế đất | - | 26.370.362.775 | 26.370.362.775 | - | - |
| - Thuế đất phi nông nghiệp | 331.375.440 | 667.768.636 | 999.144.076 | - | - |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 423.607.400 | 419.249.707 | 4.357.693 | - |
| Cộng | 18.248.154.380 | 130.321.245.383 | 135.364.140.113 | 2.091.027.925 | 11.114.231.725 |

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Chi tiết các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

+ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 9/98330/25-DN2/N-CTD ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có thời hạn vay cho mỗi lần giải ngân không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp và chịu lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.

- Chi tiết các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 32/98330/24-DN2/T-TL/01 ngày 17/05/2024 với lãi suất theo quy định trên hợp đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc, thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9). Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo Hợp đồng tín dụng 01/2023/93357/HETD ký ngày 10 tháng 4 năm 2023 với lãi suất theo quy định trên hợp đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc, thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9). Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|-------------|----------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn | | |
| - Dự phòng trợ cấp thôi việc | 893.699.750 | - |
| - Dự phòng thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động (i) | 607.107.750 | - |
| | 286.592.000 | - |
| b. Dài hạn | | |
| - Dự phòng trợ cấp thôi việc | - | 20.044.388.500 |
| | - | 20.044.388.500 |
| Cộng | 893.699.750 | 20.044.388.500 |

(i) Công ty trích lập dự phòng thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động theo văn bản số 12083/SNV-LĐTLBHXH ngày 25/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2025 | | Trong kỳ | | | | 31/12/2025 | |
|--|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|-----------------|-----------------|------------|-----|
| | Giá trị | Số có khả năng | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng | | |
| | VND | trả nợ VND | VND | VND | VND | trả nợ VND | VND | VND |
| a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 244.585.565.739 | 244.585.565.739 | 1.022.466.912.842 | 1.147.484.706.996 | 119.567.771.585 | 119.567.771.585 | | |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | 240.337.309.007 | 240.337.309.007 | 1.020.864.421.246 | 1.143.236.450.264 | 117.965.279.989 | 117.965.279.989 | | |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 206.785.191.934 | 206.785.191.934 | 303.766.497.108 | 510.551.689.042 | - | - | | |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | - | - | 446.688.647.022 | 328.723.367.033 | 117.965.279.989 | 117.965.279.989 | | |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | 33.552.117.073 | 33.552.117.073 | 270.409.277.116 | 303.961.394.189 | - | - | | |
| <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i> | 4.248.256.732 | 4.248.256.732 | 1.602.491.596 | 4.248.256.732 | 1.602.491.596 | 1.602.491.596 | | |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 4.014.225.132 | 4.014.225.132 | 1.368.459.996 | 4.014.225.132 | 1.368.459.996 | 1.368.459.996 | | |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam | 234.031.600 | 234.031.600 | 234.031.600 | 234.031.600 | 234.031.600 | 234.031.600 | | |
| b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 5.830.842.336 | 5.830.842.336 | - | 1.602.491.596 | 4.228.350.740 | 4.228.350.740 | | |
| <i>Vay dài hạn</i> | 5.830.842.336 | 5.830.842.336 | - | 1.602.491.596 | 4.228.350.740 | 4.228.350.740 | | |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 5.245.763.336 | 5.245.763.336 | - | 1.368.459.996 | 3.877.303.340 | 3.877.303.340 | | |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 585.079.000 | 585.079.000 | - | 234.031.600 | 351.047.400 | 351.047.400 | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.a BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 24 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2024 như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 10.550.214.487 đồng;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 59.191.935.236 đồng;
- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý Công ty: 525.856.250 đồng;
- Chia cổ tức năm 2024 (5% mệnh giá): 40.452.250.000 đồng.

19.b CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2025 | Tỷ lệ | 01/01/2025 | Tỷ lệ |
|--|-----------------|---------|-----------------|---------|
| | VND | % | VND | % |
| - Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV | 548.298.780.000 | 67,77% | 548.298.780.000 | 67,77% |
| - Công ty Cổ phần Masan Meatlite | 201.800.260.000 | 24,94% | 201.800.260.000 | 24,94% |
| - Cổ đông khác | 58.945.960.000 | 7,29% | 58.945.960.000 | 7,29% |
| - Cổ phiếu quỹ | 6.000.000 | 0,00% | 6.000.000 | 0,00% |
| Cộng | 809.051.000.000 | 100,00% | 809.051.000.000 | 100,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.a BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---------------------------|----------------------|---------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 01/01/2024 | 809.143.000.000 | - | (215.400.000) | 183.508.303.712 | 296.956.466.699 | 1.289.392.370.411 |
| - Hủy cổ phiếu quỹ | (92.000.000) | (101.200.000) | 193.200.000 | - | - | - |
| - Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 111.054.889.341 | 111.054.889.341 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | 44.086.400 | 44.086.400 |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | (121.560.725.545) | (105.541.591.127) |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 16.019.134.418 | (16.019.134.418) | - |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 | - | - | - | - | (56.998.891.127) | (56.998.891.127) |
| + Chia cổ tức năm 2023 | - | - | - | - | (48.542.700.000) | (48.542.700.000) |
| 31/12/2024 | 809.051.000.000 | (101.200.000) | (22.200.000) | 199.527.438.130 | 286.494.716.895 | 1.294.949.755.025 |
| 01/01/2025 | 809.051.000.000 | (101.200.000) | (22.200.000) | 199.527.438.130 | 286.494.716.895 | 1.294.949.755.025 |
| - Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 82.056.434.331 | 82.056.434.331 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | 54.165.400 | 54.165.400 |
| - Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | - | - | (110.720.255.973) | (100.170.041.486) |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 10.550.214.487 | (10.550.214.487) | - |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 | - | - | - | - | (59.717.791.486) | (59.717.791.486) |
| + Chia cổ tức năm 2024 | - | - | - | - | (40.452.250.000) | (40.452.250.000) |
| 31/12/2025 | 809.051.000.000 | (101.200.000) | (22.200.000) | 210.077.652.617 | 257.885.060.653 | 1.276.890.313.270 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.c CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Cổ tức phải trả đầu năm | 49.085.000 | 44.590.000 |
| - Cổ tức phải trả trong năm | 40.452.250.000 | 48.542.700.000 |
| - Cổ tức đã chi trả bằng tiền | (40.454.055.000) | (48.538.205.000) |
| - Cổ tức phải trả cuối năm | 47.280.000 | 49.085.000 |

19.d CỔ PHIẾU

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|-------------------|-------------------|
| | CP | CP |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 80.905.100 | 80.905.100 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 80.905.100 | 80.905.100 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>80.905.100</i> | <i>80.905.100</i> |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (600) | (600) |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>(600)</i> | <i>(600)</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 80.904.500 | 80.904.500 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>80.904.500</i> | <i>80.904.500</i> |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---------------------|-------------------|----------------------|------------------|----------------------|
| | Giá trị (USD) | Giá trị (VND) | Giá trị (USD) | Giá trị (VND) |
| Đồng đô la Mỹ (USD) | 106.118,99 | 2.777.421.663 | 92.016,98 | 2.330.219.319 |
| Cộng | 106.118,99 | 2.777.421.663 | 92.016,98 | 2.330.219.319 |

b. Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý là số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trong nước, do quá hạn quá lâu và không có khả năng thu hồi. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý như sau: Nợ khó đòi đã xử lý hết 31/12/2020 là 571.374.034 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm | 2.948.089.253.932 | 3.153.654.197.144 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.505.960.484 | 1.152.794.256 |
| Cộng | 2.949.595.214.416 | 3.154.806.991.400 |
| Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 37 | 77.799.417.975 | 92.868.523.313 |

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Chiết khấu thương mại | 19.990.924.589 | 16.774.286.793 |
| - Hàng bán bị trả lại | 8.039.959.151 | 768.282.371 |
| Cộng | 28.030.883.740 | 17.542.569.164 |

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa và thành phẩm | 2.920.058.370.192 | 3.136.111.627.980 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 1.505.960.484 | 1.152.794.256 |
| Cộng | 2.921.564.330.676 | 3.137.264.422.236 |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| - Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán | 2.255.499.749.483 | 2.390.039.505.962 |
| - Giá vốn hoạt động khác | 1.165.841.698 | 882.831.888 |
| - Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (159.180.647) | (182.400.306) |
| Cộng | 2.256.506.410.534 | 2.390.739.937.544 |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Lãi tiền gửi | 47.134.757.233 | 40.191.163.179 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 334.657.297 | 436.428.108 |
| - Chiết khấu thanh toán | 25.714.686 | 31.223.559 |
| Cộng | 47.495.129.216 | 40.658.814.846 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Lãi tiền vay | 9.154.747.381 | 7.600.680.722 |
| - Chiết khấu thanh toán | 9.134.894.926 | 10.161.620.598 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 948.719.263 | 910.931.385 |
| Cộng | 19.238.361.570 | 18.673.232.705 |

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 221.773.347.544 | 245.149.456.639 |
| - Chi phí vận chuyển | 49.877.720.595 | 56.895.053.947 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 166.504.653.162 | 187.156.103.480 |
| Cộng | 438.155.721.301 | 489.200.614.066 |

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 52.268.331.914 | 47.733.249.687 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 27.446.433.969 | 8.703.293.777 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 73.223.190.102 | 83.002.705.746 |
| Cộng | 152.937.955.985 | 139.439.249.210 |

29. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Thanh lý, nhượng bán tài sản | 566.038.325 | 888.209.528 |
| - Khuyến mãi chiết khấu bán hàng | 1.098.388.618 | 653.734.010 |
| - Các khoản khác | 1.583.996.295 | 2.093.111.431 |
| Cộng | 3.248.423.238 | 3.635.054.969 |

30. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--------------------------|--------------------|----------------------|
| - Các khoản chi phí khác | 392.692.624 | 1.965.911.456 |
| Cộng | 392.692.624 | 1.965.911.456 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Chi phí nguyên vật liệu | 1.669.262.383.899 | 1.847.520.082.811 |
| - Chi phí nhân công | 386.566.424.802 | 430.490.053.784 |
| - Khấu hao tài sản cố định | 35.181.519.277 | 36.400.574.281 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 178.762.464.106 | 218.715.409.298 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 189.252.575.364 | 202.105.406.589 |
| Cộng | 2.459.025.367.448 | 2.735.231.526.763 |

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong suốt thời gian hoạt động do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 105.076.741.116 | 141.539.347.070 |
| - Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 20% | 105.076.741.116 | 141.539.347.070 |
| - Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 15% | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế | 8.583.628.300 | 10.135.996.637 |
| - Chi phí không được trừ thuế suất 20% | 8.583.628.300 | 10.135.996.637 |
| - Chi phí không được trừ thuế suất 15% | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế | - | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế trong năm | 113.660.369.416 | 151.675.343.707 |
| - Thu nhập chịu thuế suất 20% | 113.660.369.416 | 151.675.343.707 |
| - Thu nhập chịu thuế suất 15% | - | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 227.320.738.832 | 303.350.687.414 |
| Thuế TNDN phải nộp | 22.732.073.883 | 30.335.068.741 |
| - Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 20% | 22.732.073.883 | 30.335.068.741 |
| - Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 15% | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước | 288.232.902 | 149.388.988 |
| Tổng chi phí thuế TNDN (i) | 23.020.306.785 | 30.484.457.729 |
| (i) Trong đó: | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | 20.790.636.273 | 24.078.886.994 |
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 2.229.670.512 | 6.405.570.735 |

Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------|------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông | 82.056.434.331 | 111.054.889.341 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm | (53.041.693.784) | (59.717.791.486) |
| Điều chỉnh giảm: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | (53.041.693.784) | (59.717.791.486) |
| | 29.014.740.547 | 51.337.097.855 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 80.904.500 | 80.904.500 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 359 | 635 |

- (i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính với tỷ lệ 2 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động. Số trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính với tỷ lệ 1 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 24 tháng 4 năm 2025.

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------|-----------------|-----------------|
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 359 | 635 |

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

35.a CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| - Dưới 01 năm | 10.867.854.049 | 9.716.312.654 |
| - Từ 01 đến 05 năm | 8.978.692.420 | 6.330.492.361 |
| - Trên 05 năm | 3.828.178.080 | 4.349.662.750 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 23.674.724.549 | 20.396.467.765 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)

35.b CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ, dự án tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| - Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng | 1.465.471.664.244 | 1.285.970.559.701 |
| - Đã được duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện | 24.210.645.200 | 19.290.987.585 |
| Tổng cộng | 1.489.682.309.444 | 1.305.261.547.286 |

Tổng giá trị các dự án được duyệt là 1.816.968.380.533 Đồng. Trong đó, cam kết vốn cho các dự án chủ yếu liên quan tới dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, các lãnh thổ khác chiếm tỷ trọng dưới 10%. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là thực phẩm, các lĩnh vực kinh doanh khác chiếm tỷ trọng dưới 10%. Vì vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
37. BÊN LIÊN QUAN
Danh sách các bên liên quan trong năm

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|------------------------------|
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | Công ty mẹ |
| - Trung tâm Dịch vụ Satra | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Trung tâm Điều hành Satrafoods | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Trung tâm Thương mại Satra Đường Phạm Hùng | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Siêu thị Sài Gòn | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Trung tâm Điều hành Bán lẻ Satra Cần Thơ | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Trung tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Thương xá TAX | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Trung tâm Phân phối Satra | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Kho lạnh Satra | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| - Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec) | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan của Công ty trong năm như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 77.799.417.975 | 92.868.523.313 |
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | 484.228.166 | 897.118.356 |
| - Trung tâm Điều hành Satrafoods | 65.203.104.895 | 75.769.210.156 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Đường Phạm Hùng | 4.449.973.711 | 7.060.048.966 |
| - Trung tâm Phân phối Satra | (14.592.503) | (20.385.490) |
| - Siêu thị Sài Gòn | 2.721.214.497 | 3.264.494.113 |
| - Thương xá TAX | 13.334.852 | 88.499.373 |
| - Trung tâm Điều hành Bán lẻ Satra Cần Thơ | (1.923.960) | 1.970.779.272 |
| - Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | 357.435.025 | 292.316.028 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi | 2.885.325.183 | 3.324.213.908 |
| - Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec) | 213.898.201 | 149.026.660 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | 1.487.419.908 | 73.201.971 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
37. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 322.429.285.381 | 107.827.979.691 |
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | 308.420.505.004 | 65.023.089.158 |
| - Trung tâm Dịch vụ Satra | 434.843.066 | 420.865.066 |
| - Trung tâm Điều hành Satrafoods | 481.330.519 | 581.928.731 |
| - Kho lạnh Satra | 10.800.038.109 | 39.477.236.112 |
| - Trung tâm Phân phối Satra | 1.929.460.447 | 1.923.385.897 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Đường Phạm Hùng | 48.529.463 | 42.968.795 |
| - Siêu thị Sài Gòn | 96.836.177 | 149.417.660 |
| - Thương xá TAX | 1.413.758 | 1.410.025 |
| - Trung tâm Điều hành Bán lẻ Satra Cần Thơ | (94.137) | 16.284.011 |
| - Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | 161.140.804 | 150.169.943 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi | 41.673.029 | 41.224.293 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | 13.609.142 | - |
| Số dư bên liên quan | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
| Phải thu của khách hàng | 6.257.089.547 | 12.501.607.187 |
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | - | 198.016.725 |
| - Trung tâm Điều hành Satrafoods | 5.288.572.469 | 10.759.623.603 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Đường Phạm Hùng | 376.446.051 | 855.173.020 |
| - Siêu thị Sài Gòn | 248.099.789 | 313.226.765 |
| - Thương xá TAX | - | 40.657.087 |
| - Trung tâm Điều hành Bán lẻ Satra Cần Thơ | - | 1.429.190 |
| - Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | 12.966.129 | 26.093.748 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi | 216.640.505 | 228.328.921 |
| - Trung tâm Thương mại Satra Võ Văn Kiệt | 114.364.604 | 79.058.128 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 1.018.276.863 | 1.018.276.863 |
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | 1.018.276.863 | 1.018.276.863 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 14.884.095.878 | 21.356.165.050 |
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | 11.796.621.037 | 8.835.634.909 |
| - Kho lạnh Satra | 3.069.844.873 | 12.437.573.921 |
| - Trung tâm Phân phối Satra | - | 56.760.000 |
| - Siêu thị Sài Gòn | 11.216.004 | 20.507.248 |
| - Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | 6.413.964 | 5.688.972 |
| Phải trả ngắn hạn khác | - | 408.826.807 |
| - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV | - | 408.826.807 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. BỀN LIÊN QUAN (TIẾP)

| | | | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-------------------|----------------------------|-------------|-------------|
| <u>Tiền lương, thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt</u> | | | VND | VND |
| Hội đồng quản trị | | | | |
| Ông Trương Hồng Phong | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 | 330.413.760 | 96.000.000 |
| Ông Nguyễn Phúc Khoa | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 | 140.669.120 | 684.000.000 |
| Ông Lê Minh Tuấn | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 | 70.656.000 | 96.000.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc An | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 | - | 88.000.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Trung | Phó Chủ tịch | | 70.656.000 | 96.000.000 |
| Ông Trương Hải Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 | 48.517.120 | - |
| Ông Phan Văn Phúc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 | 48.517.120 | - |
| Ban Tổng Giám đốc | | | | |
| Ông Lê Minh Tuấn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/12/2024 | 490.248.000 | 602.500.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc An | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/12/2024 | - | 605.000.000 |
| Ông Phan Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | | 445.680.000 | 600.000.000 |
| Ông Trương Hải Hưng | Phó Tổng Giám đốc | | 445.680.000 | 600.000.000 |
| Ban Kiểm soát | | | 482.652.000 | 744.000.000 |
| Kế toán trưởng | | | 401.112.000 | 540.000.000 |

38. THUYẾT MINH CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| - Mua sắm, xây dựng tài sản cố định nhưng chưa thanh toán | 9.350.603.615 | 2.465.777.738 |
| - Ứng trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang | 6.250.891.240 | 4.663.075.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Người lập biểu



Huỳnh Thị Phương Thảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Lê Minh Tuấn






Sức Sống Mỗi Ngày

BÁO CÁO | 2025 THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Minh Tuấn

